UBND TỈNH ĐỒNG THÁP

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

MÃ NGÀNH: 6720603

Đồng Tháp - Năm 2020

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/QĐ-CĐYT ngày 18 tháng 02 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp)

Tên ngành, nghề: KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Mã ngành, nghề: 6720603

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Liên thông Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung cấp đúng chuyên ngành và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 2 năm (4 học kỳ)

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành học ở trình độ cao đẳng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức

- Giải thích các kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý người, sinh lý bệnh, sinh học di truyền, bệnh học nội – ngoại khoa, dược lý, điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu vào việc lập kế hoạch chăm sóc điều trị;

- Trình bày được các phương pháp châm cứu và chữa bệnh không dùng thuốc (y học cổ truyền) phục hồi chức năng cho người bệnh;

- Giải thích được những nguyên nhân, triệu chứng trong điều trị vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, hệ thần kinh – cơ, vật lý trị liệu cơ -xương, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng;

- Trình bày được phương pháp vận động trị liệu, qui trình thực hiện lượng giá chức năng hệ vận động, qui trình bảo quản trang thiết bị vật lý trị liệu trong điều trị;

- Phân tích được tác dụng điều trị trong các trường hợp vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, vật lý trị liệu hệ thần kinh - cơ, vật lý trị liệu cơ xương, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Kỹ năng

- Giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp hiệu quả;

- Thực hiện thành thạo sơ cấp cứu ban đầu;

- Xác định được vị trí giải phẫu cơ - xương - thần kinh trên người bệnh;

- Lượng giá thành thạo chức năng hệ vận động của cơ thể;

- Vận hành thành thạo an toàn và bảo quản tốt các trang thiết bị chuyên ngành Phục hồi chức năng;

- Thực hiện thành thạo các thao tác tập vận động trị liệu, các phương pháp điều trị phục hồi chức năng trị liệu, PHCN trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, PHCN trị liệu hệ thần kinh – cơ, PHCN trị liệu cơ xương;

- Áp dụng các phương pháp châm cứu và xoa bóp chữa bệnh không dùng thuốc phục hồi chức năng cho người bệnh;

- Hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh sử dụng thành thạo một số dụng cụ trợ giúp đơn giản hỗ trợ trong điều trị;

- Hướng dẫn thành thạo các phương pháp phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

- Xây dựng kế hoạch làm việc theo nhóm và phối hợp với các thành viên trong nhóm để thực hiện kế hoạch chăm sóc điều trị cho bệnh nhân;

- Tổ chức và quản lý khoa phòng trị liệu phục hồi chức năng một cách khoa học;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn, giám sát thực hiện nhiệm vụ, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Chấp hành nhiệm vụ được giao, chủ động, chịu trách nhiệm trong công việc;

- Giữ gìn bí mật thông tin của người bệnh;

- Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, phòng ngừa tàn tật cho người bệnh;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Tuân thủ quy định của pháp luật khi hành nghề, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp và những quy định của nơi làm việc;

- Có tinh thần đoàn kết, hòa nhã, khiêm tốn với đồng nghiệp, cảm thông, chia sẻ, ân cần chu đáo với người bệnh và gia đình người bệnh;

- Trung thực, khách quan, thận trọng trong quá trình thực hành nghề nghiệp.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Phục hồi chức năng về vật lý trị liệu;

- Phục hồi chức năng về hoạt động trị liệu.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

-Số lượng môn học: 29 (có 01 môn học tự chọn)

-Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 46 tín chỉ (1295 giờ).

-Khối lượng các môn học chung, đại cương: 290 giờ (15 giờ kiểm tra).

-Khối lượng môn học chuyên môn: 1.030 giờ (27 giờ kiểm tra).

-Khối lượng lý thuyết: 505 giờ (có 20 giờ kiểm tra) chiếm 39,0%. Thực hành: 790 giờ (22 giờ kiểm tra) chiếm 61,0%.

-Thời gian khóa học: 2 năm (tích lũy tín chỉ).

3. Nội dung chương trình

3.1. Bảng đối chiếu chương trình đào tạo trung cấp và cao đẳng

TT	CAO ĐẲNG CQ						TRUNG CẤP					CĐ LIÊN THÔNG				
	MH	TC	TS	LT	TH	KT	TC	TS	LT	TH	KT	**TC**	**TS**	**LT**	**TH**	**KT**
	Các môn học đại cương															
1	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5	2	30	15	13	2	2	45	26	16	3
2	Tiếng Anh 1 (cơ bản)	5	120	42	72	6	4	90	30	56	4	1	30	12	16	2
3	Tin học	3	75	15	58	2	2	45	15	29	1	1	30	0	29	1
4	Xác suất thống kê – Thống kê y học	2	50	19	29	2	0	0	0	0	0	2	50	19	29	2
5	Sinh học và Di truyền	1	20	19	0	1	0	0	0	0	0	1	20	19	0	1
6	Vật lý đại cương và Lý sinh	1	20	19	0	1	0	0	0	0	0	1	20	19	0	1
7	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4	1	30	4	24	2	1	30	1	27	2
8	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4	2	45	21	21	3	1	30	15	14	1
9	Pháp Luật	2	30	18	10	2	1	15	9	5	1	1	15	9	5	1
10	Hóa học	1	20	19	0	1	0	0	0	0	0	1	20	19	0	1
	Tổng	**24**	**545**	**233**	**284**	**28**	**12**	**255**	**94**	**148**	**13**	**12**	**290**	**139**	**136**	**15**
	Các môn học chuyên môn ngành															

	Các môn học cơ sở															
11	Giải phẫu - Sinh lý	3	70	39	29	2	3	70	39	29	2	0	0	0	0	0
12	Tiếng Anh 2 (chuyên ngành)	2	40	39	0	1	0	0	0	0	0	2	40	39	0	1
13	Nghiên cứu khoa học	1	29	19	0	1	0	0	0	0	0	1	20	19	0	1
14	Hoá sinh	1	20	19	0	1	0	0	0	0	0	1	20	19	0	1
15	Sinh lý bệnh	1	20	19	0	1	0	0	0	0	0	1	20	19	0	1
16	Dược lý	2	50	19	0	2	2	50	19	29	2	0	0	0	0	0
17	Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	2	50	19	29	2	2	50	19	29	2	0	0	0	0	0
18	Sức khỏe Môi trường và vệ sinh	2	50	19	29	2	0	0	0	0	0	2	50	19	29	2
19	Dinh dưỡng - Tiết chế	1	20	19	0	1	0	0	0	0	0	1	20	19	0	1
20	Tổ chức và quản lý y tế	2	40	39	0	1	2	40	39	0	1	0	0	0	0	0
21	Đạo đức hành nghề y dược	1	20	19	0	1	0	0	0	0	0	1	20	19	0	1
22	Dịch tể học và các bệnh truyền nhiễm	1	20	19	0	1	0	0	0	0	0	1	20	19	0	1
23	Bệnh học Nội khoa – Ngoại khoa	2	40	39	0	1	0	0	0	0	0	2	40	39	0	1
24	Quản lý khoa VLTL/PHCN	2	40	39	0	1	0	0	0	0	0	2	40	39	0	1
25	Vi sinh vật và ký sinh trùng	2	50	19	29	2	2	50	19	29	2	0	0	0	0	0

	Tổng	**23**	**509**	**366**	**87**	**18**	**9**	**210**	**116**	**87**	**7**	**14**	**290**	**250**	**29**	**11**
	Các môn học chuyên ngành															
26	Giải phẫu chức năng hệ vận động và thần kinh	2	50	19	29	2	2	50	19	29	2	0	0	0	0	0
27	Lượng giá chức năng vận động	4	90	59	29	2	2	50	19	29	2	2	50	19	29	2
28	Vận động trị liệu	4	90	59	29	2	2	50	19	29	2	2	50	19	29	2
29	Các phương thức điều trị VLTL	2	50	19	29	2	2	50	19	29	2	0	0	0	0	0
30	Bệnh lý và PHCN hệ cơ –xương	4	90	59	29	2	2	45	14	29	2	2	50	19	29	2
31	Bệnh lý và PHCN hệ thần kinh - cơ	4	90	59	29	2	2	45	14	29	2	2	50	19	29	2
32	Xoa bóp trị liệu Châm cứu	2	50	19	29	2	2	50	19	29	2	0	0	0	0	0
33	PHCN dựa vào cộng đồng	2	40	39	0	1	2	40	39	0	1	0	0	0	0	0
34	Thực tập KT. PHCN cơ bản	4	180	0	178	2	4	180	0	178	2	3	135	0	133	2
35	TTKT. PHCN Nội khoa	4	180	0	178	2	4	180	0	178	2	2	90	0	88	2
36	TTKT. PHCN Ngoại khoa	4	180	0	178	2	4	180	0	178	2	2	90	0	88	2
37	Thực tập KT. PHCN tại cộng đồng	2	90	0	88	2	4	90	0	88	2	0	0	0	0	0
	Tổng	**38**	**1180**	**332**	**825**	**23**	**32**	**1010**	**162**	**825**	**23**	**15**	**515**	**76**	**425**	**14**

	Thực tập nghề nghiệp và Báo cáotốt nghề															
38	Thực tập nghề nghiệp	4	180	0	178	2	5	225	0	223	2	2	90	0	88	2
39	Báo cáo tốt nghiệp	3	135	0	135	0	0	0	0	0	0	2	90	0	90	0
40	Ôn thi tốt nghiệp	0	0	0	0	0	3	135	0	135	0	0	0	0	0	0
	Tổng	**7**	**315**	**0**	**313**	**2**	**8**	**360**	**0**	**358**	**2**	**4**	**180**	**0**	**178**	**2**

BẢNG SO SÁNH TỔNG HỢP

STT	**Môn học**	**ĐVHT/TC**			**Ghi chú**
		TC	**CĐ**	**Liên thông**	
1	Học phần đại cương	12	24	12	
2	Môn học cơ sở	09	24	15	
3	Học phần chuyên môn ngành	35	41	15	Thực tập bệnh viện
5	Thực tập tốt nghiệp	05	04	02	
6	Báo cáo tốt nghiệp	03	03	02	
	Tổng	**64**	**96**	**46**	

3.2. Nội dung chi tiết chương trình:

Stt	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	I	**Các học phần đại cương**					
1	MH6501L	Giáo dục chính trị	2	45	26	16	3
2	MH6502L	Pháp luật	1	15	9	5	1
3	MH6503L	Tin học	1	30	0	29	1
4	MH6504L	Tiếng Anh cơ bản	1	30	12	16	2
5	MH6505L	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	2
6	MH6506L	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	1	30	15	14	1
7	MH6507L	Xác suất và thống kê y học	2	50	19	29	2
8	MH6508L	Sinh học và Di truyền	1	20	19	0	1
9	MH6509L	Vật lý đại cương và Lý sinh	1	20	19	0	1
10	MH6510L	Hóa học	1	20	19	0	1
		Tổng	**12**	**290**	**139**	**136**	**15**
	II	**Các môn học chuyên môn ngành**					
	II.1	**Các môn học cơ sở**					
11	MH6511L	Hoá sinh	1	20	19	0	1
12	MH6512L	Tiếng Anh chuyên ngành	2	40	39	0	1
13	MH6513L	Nghiên cứu khoa học	1	20	19	0	1
14	MH6514L	Sinh lý bệnh	1	20	19	0	1
15	MH6515L	Sức khỏe Môi trường và vệ sinh	2	50	19	29	2
16	MH6516L	Dinh dưỡng - Tiết chế	1	20	19	0	1
17	MH6517L	Đạo đức hành nghề y dược	1	20	19	0	1
18	MH6518L	Bệnh học Nội khoa – Ngoại khoa	2	40	39	0	1

Stt	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
19	MH6519L	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	2	40	39	0	1
		Tổng	**13**	**270**	**231**	**29**	**10**
	II.2	**Các môn học chuyên ngành**					
20	MH6520L	Vận động trị liệu	2	50	19	29	2
21	MH6521L	Lượng giá chức năng vận động	2	50	19	29	2
22	MH6522L	Thực tập PHCN cơ bản	1	45	0	43	2
23	MH6523L	Bệnh lý và PHCN hệ cơ –xương	2	50	19	29	2
24	MH6524L	Bệnh lý và PHCN hệ thần kinh – cơ	2	50	19	29	2
25	MH6525L	Thực tập PHCN hệ cơ – xương	3	135	0	133	2
26	MH6526L	Thực tập PHCN hệ thần kinh – cơ	3	135	0	133	2
27	MH6527L	Thực tập tốt nghiệp	2	90	0	88	2
28	MH6528L	Báo cáo tốt nghiệp	2	90	0	90	0
		Tổng	**19**	**695**	**76**	**603**	**16**
	II.3	**Môn học tự chọn (chọn 02 TC)**					
29	MH6529L	Quản lý khoa PHCN	2	40	39	0	1
30	MH6530L	Y học cổ truyền	2	40	39	0	1
		Tổng	**2**	**40**	**39**	**0**	**1**
		Tổng cộng	**46**	**1295**	**485**	**768**	**45**

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Theo kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học, Đoàn thanh niên phối hợp với Phòng Công tác sinh viên xây dựng nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa tùy theo tình hình thực tế và công bố cho sinh viên vào đầu khóa học.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học được xác định sau khi hoàn thành chương trình môn học và đã có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Hộ sinh và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và phải hoàn thành Báo cáo tốt nghiệp đạt yêu cầu để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành theo quy định hiện hành.

4.5. Chú ý khác

4.5.1. Kế hoạch dạy học:

Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
Học kỳ I						
MH6501L	Giáo dục chính trị	2	45	26	16	3
MH6502L	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH6507L	Xác suất và thống kê y học	2	50	19	29	2
MH6504L	Tiếng Anh cơ bản	1	30	12	16	2
MH6511L	Hóa sinh	1	20	19	0	1
MH6516L	Dinh dưỡng tiết chế	1	20	19	0	1
MH6514L	Sinh lý bệnh	1	20	19	0	1
MH6515L	Sức khỏe môi trường và Vệ sinh	2	50	19	29	2
MH6517L	Đạo đức hành nghề Y Dược	1	20	19	0	1
Tổng cộng		**12**	**270**	**161**	**95**	**14**
Học kỳ II						
MH6503L	Tin học	1	30	0	29	1
MH6508L	Sinh học và Di truyền	1	20	19	0	1
MH6509L	Vật lý đại cương và Lý sinh	1	20	19	0	1

MH6510L	Hóa học	1	20	19	0	1
MH6505L	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	2
MH6506L	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	1	30	15	14	1
MH6518L	Bệnh học Nội khoa – Ngoại khoa	2	40	39	0	1
MH6520L	Vận động trị liệu	2	50	19	29	2
MH6512L	Tiếng Anh chuyên ngành	2	40	39	0	1
Tổng cộng		**12**	**280**	**170**	**99**	**11**
Học kỳ III						
MH6521L	Lượng giá chức năng vận động	2	50	19	29	2
MH6529L	Quản lý khoa PHCN	2	40	39	0	1
MH6519L	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	2	40	39	0	1
MH6525L	Bệnh lý và PHCN hệ cơ - xương	2	50	19	29	2
MH6524L	Bệnh lý và PHCN hệ T/kinh - cơ	2	50	19	29	2
MH6513L	Nghiên cứu khoa học	1	20	19	0	1
Tổng cộng		**11**	**250**	**154**	**87**	**9**
Học kỳ IV						
MH6522L	Thực tập PHCN cơ bản	1	45	0	43	2
MH6525L	TT PHCN hệ cơ - xương	3	135	0	133	2
MH6526L	TT PHCN hệ thần kinh - cơ	3	135	0	133	2
MH6527L	Thực tập tốt nghiệp	2	90	0	88	2
MH6528L	Báo cáo tốt nghiệp	2	90	0	90	0
Tổng cộng		**11**	**495**	**0**	**487**	**8**

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

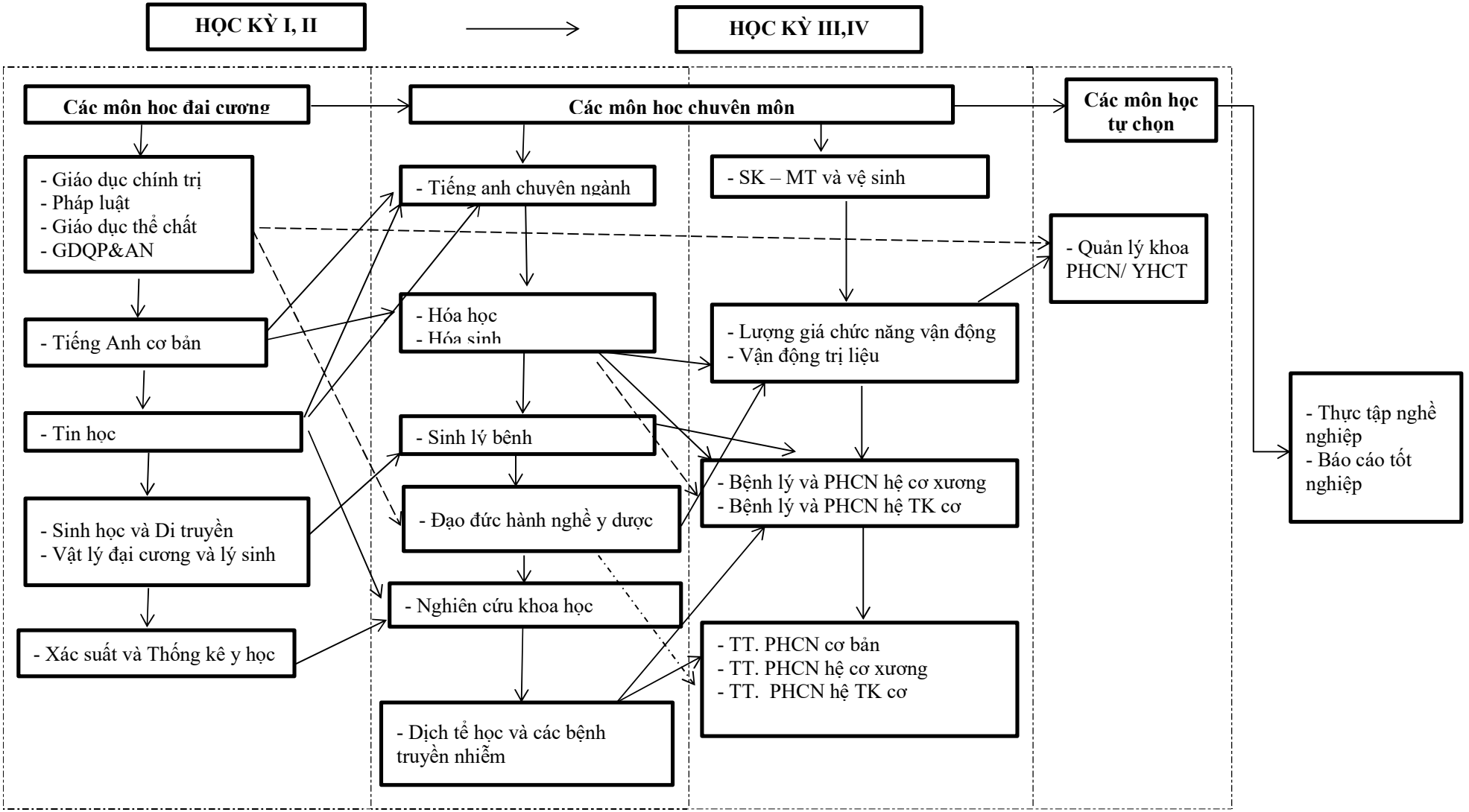

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 1

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học:2TC; HK I; 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành (Thảo luận): 16 giờ, kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin	10	8	2	

2	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	8	6	2	
3	Bài 3: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	6	3	2	1
4	Bài 4: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
5	Bài 5: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	8	3	4	1
6	Bài 6: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	7	3	3	1
	Tổng cộng	**45**	**26**	**16**	**3**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1:KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;

- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2:KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

2.1.3. Quá trình hình thành

2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3:ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;

- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2.1.2. Do nhân dân làm chủ

2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp

2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển

2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

2.2.2. Phát triển nên kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân lộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 4:TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;

- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 5:XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 6:PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;

- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;

- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TTr-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung của môn học đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

VII. Một số hướng dẫn khác

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thí điểm giảng dạy trực tuyến môn học. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân".

2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân".

3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

- Các tài liệu liên quan khác...

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 2

Tên môn học: TIẾNG ANH CƠ BẢN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 1TC; HK I; 30 giờ; (Lý thuyết: 12 giờ; Thực hành: 16 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

d) Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra & Ôn tập
1	Bài 1: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	6	3	3	
2	Bài 2: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	6	3	3	
3	Bài 3: Công nghệ (Technology)	6	3	3	
4	Bài 4: Mua sắm (Shopping)	6	3	3	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	6	0	4	2
	Tổng cộng	**30**	**12**	**16**	**2**

2. Nội dung chi tiết như sau:

Bài 1. CÁC KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI (FUTURE PLANS) Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Lễ hội;

2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc Will và going to;

2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 2. NGOẠI HÌNH VÀ TÍNH CÁCH(APPEARANCE AND PERSONALITY)

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;

- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My travel page;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 3. CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGY) Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;

- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các thiết bị công nghệ;

2.1.2. Công nghệ.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Cấu trúc How long...?;

2.2.3. Giới từ For và since.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Bài 4. MUA SẮM (SHOPPING) Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;

- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

Ôn tập và kiểm tra:

- Hướng dẫn thực hành bài tập
- Thực hiện kiểm tra

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;

- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động -

Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thao tác theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 3

Tên môn học: TIN HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 1TC; HK II; 30 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	2	0	2	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	2	0	2	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	4	0	4	
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	16	0	15	1
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	4	0	4	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	2	0	2	
	Tổng cộng	**30**	**0**	**29**	**1**

2. Nội dung chi tiết

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

2.4. Mạng cơ bản

2.4.1. Những khái niệm cơ bản

2.4.2. Internet, Intranet, Extranet

2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.2. Tốc độ truyền

2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps…)

2.4.4. Phương tiện truyền thông

2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông

2.4.4.2. Băng thông

2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây

2.4.5. Download, Upload

2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông

2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh

2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

2.6.1. An toàn lao động

2.6.2. Bảo vệ môi trường

2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu

2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Sử dụng Control Panel

2.3.1. Khởi động Control Panel

2.3.2. Region and Language

2.3.3. Devices and Printers

2.3.4. Programs and Features

2.4. Một số phần mềm tiện ích

2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.4.2. Phần mềm diệt virus

2.5. Sử dụng tiếng Việt

2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin

2.7. Đa phương tiện

2.8. Sử dụng máy in

2.8.1. Lựa chọn máy in

2.8.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN Thời gian:4 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;

- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản.

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản

2.2.3.4.1. Bảng (Table)

2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)

2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)

2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt

2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes

2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)

2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)

2.2.3.7. Hoàn tất văn bản

2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản

2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang

2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)

2.2.4. In văn bản

2.2.5. Phân phối văn bản

2.2.6. Soạn thông báo, thư mời

2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xoá dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Định dạng ô, dãy ô

2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.5.2. Định dạng văn bản

2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.6. Biểu thức và hàm

2.6.1. Biểu thức số học

2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.6.1.3. Các lỗi thường gặp

2.6.2. Hàm

2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.6.2.2. Toán tử so sánh =, < , >

2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)

2.6.2.4. Hàm điều kiện IF

2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)

2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)

2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)

2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)

2.7. Biểu đồ

2.7.1. Tạo biểu đồ

2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.8.1. Trình bày trang tính để in

2.8.2. Kiểm tra và in

2.8.3. Phân phối trang tính

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.1.7. Chèn Audio, Video

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;

- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.

- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản

2.2.1.2. Thiết đặt (setting)

2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác

2.2.1.4. Đánh dấu

2.2.2. Sử dụng Web

2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công

2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)

2.2.2.3. Lưu nội dung

2.2.2.4. In

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử

2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử

2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử

2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời

2.3.2. Cộng đồng trực tuyến

2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1 . Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ

cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:

+ Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025".

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020".

3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

6. Nguyễn Đăng Tỵ, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.

10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 4

Tên môn học: XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ Y HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 2TC; HK I; 50 giờ (LT: 19 giờ; TH: 29 giờ, KT: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ I.

- Tính chất môn học: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: các quy luật của giải tích toán học và hiện tượng ngẫu nhiên. Tổng quan về xác xuất, khái niệm thống kê, những ứng dụng và xử lý thống kê. Môn học cũng cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng thống kê y học. Nội dung bao gồm những vấn đề căn bản về thống kế và ứng dụng của thống kê trong y học.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học;

2. Mô tả các qui luật của hiện tượng ngẫu nhiên;

3. Nêu được khái niệm về thống kê và ứng dụng của thống kê trong y học.

- Về kỹ năng:

1. Tính được xác suất các biến cố;

2. Xử lý số liệu – ước lượng các tham số của dân số.

3. Xử lý số liệu - ước lượng các tham số của dân số.

4. Kiểm định được một giả thuyết thống kê.

-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Có niềm tin, trách nhiệm vững chắc vào môn học để thực hiện tốt vào ứng dụng thực tiễn trong nghiên cứu về chuyên môn.

2. Thể hiện ý thức sử dụng thống kê trong y học để phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuết	Thực hành	Kiểm tra
1	**Chương 1:**Biến cố và xác suất	4	2	2	
2	**Chương 2:** Các định lý xác suất	4	2	2	
3	**Chương 3:**Biến ngẫu nhiên rời rạc	4	1	2	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuết	Thực hành	Kiểm tra
4	**Chương 4:** Biến ngẫu nhiên liên tục	4	2	2	
5	**Chương 5:**Cơ sở lý thuyết mẫu	4	1	3	
6	**Chương 6:**Ước lượng tham số	6	2	3	1
7	**Chương 7: Giới thiệu về thống kê, phân phối, biến số.**				
	Thống kê, phân phối và biến số	2	1	1	
8	**Chương 8: Ước lượng, Kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui**	**22**			
	Ước lượng	4	2	2	
	Nguyên tắc kiểm định - so sánh 2 tỷ lệ	3	1	2	
	Số trung bình, trung vị , độ lệch chuẩn bằng R	3	1	2	
	Kiểm định chi bình phương bằng R	3	1	2	
	Kiểm định T-test bắt cặp, không bắt cặp, Anova bằng R	3	1	2	
	Tương quan hồi quy	3	1	2	
	Thực hành tính khoảng tin cậy	3	1	1	1
	Tổng cộng	**50**	**19**	**29**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Biến cố xác suất và các phép toán xác suất Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu rõ các khái niệm phép thử, biến cố, cách đặt biến cố, phân biệt các loại biến cố.

1.2. Hiểu khái niệm xác suất, điều kiện quy ước của xác suất.

1.3. Biết tính xác suất theo định nghĩa cổ điển. Biết tính số kết cục theo các phương pháp: liệt kê, bảng, và công thức Giải tích tổ hợp

2. Nội dung chương:

2.1. Biến cố xác suất và các phép toán xác suất

2.1.1. Phép thử và biến cố

2.1.2. Xác suất của biến cố

2.1.3. Định nghĩa cổ điển về xác suất

2.1.4. Mối liên hệ giữa các biến cố

Chương 2: Các định lý xác suất Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Biết cách biểu diễn biến cố đang quan tâm qua tổng hoặc tích của các biến cố liên quan.

1.2. Nắm được nội dung của định lý nhân và cộng xác suất.

1.3. Biết cách vận dụng định lý nhân với tích các biến cố và định lý cộng với tổng các biến cố để tính xác suất của biến cố trong từng bài toán.

1.4. Nhận dạng được bài toán tuân theo lược đồ Bernoulli, biết áp dụng công thức tính xác suất và tra bảng trong các bài toán

1.5. Biết xác định nhóm biến cố đầy đủ có ảnh hưởng đến biến cố đang quan tâm và biết áp dụng công thức xác suất đầy đủ để giải quyết bài toán.

2. Nội dung chương:

2.1. Các định lý xác suất

2.1.1. Định lý nhân xác suất.

2.1.2. Định lý cộng xác suất.

2.1.3. Định lý Bernoulli

2.1.4. Công thức xác suất đầy đủ

Chương 3: Biến ngẫu nhiên rời rạc Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên và phân biệt được hai loại biến ngẫu nhiên.

1.2. Lập được bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.

1.3. Tính các tham số: kỳ vọng, phương sai, độ lệnh chuẩn.

1.4. Biết sử dụng quy luật Không – Một và quy luật Nhị thức để tính xác suất và các tham số đặc trưng.

1.5. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên 2 chiều rời rạc và tính được một số tham số đặc trưng.

2. Nội dung chương:

2.1. Biến ngẫu nhiên rời rạc

2.1.1. Khái niệm và phân loại biến ngẫu nhiên.

2.1.2. Bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.

2.1.3. Các tham số đặc trưng: kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn.

2.1.4. Biến ngẫu nhiên phân phối Không – Một.

2.1.5. Biến ngẫu nhiên phân phối Nhị thức.

2.1.6. Khái niệm và các tham số của biến ngẫu nhiên hai chiều rời rạc.

Chương 4: Biến ngẫu nhiên liên tục Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu KN biến ngẫu nhiên liên tục, đánh gía đồ thị hàm mật độ xác suất.

1.2. Biết cách tra bảng để tìm xác suất của phân phối Chuẩn hoá.

1.3. Biết áp dụng công thức tính XS của biến phân phối chuẩn trong các bài toán.

1.4. Biết cách tra bảng để tìm chính xác các giá trị tới hạn.

2. Nội dung chương:

2.1. Biến ngẫu nhiên liên tục

2.1.1. Biến ngẫu nhiên liên tục và hàm mật độ xác suất.

2.1.2. Biến ngẫu nhiên phân phối Chuẩn

2.1.3. Biến ngẫu nhiên phân phối Khi – bình phương

2.1.4. Biến ngẫu nhiên phân phối Student

Chương 5: Cơ sở lý thuyết mẫu Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu và phân biệt khái niệm Tổng thể và mẫu;

1.2. Hiểu và phân biệt khái niệm Tham số và Thống kê;

1.3. Tính chính xác các thống kê đặc trưng mẫu bằng máy tính bấm tay;

1.4. Nhớ được quy luật liên hệ để áp dụng tra bảng số;

2. Nội dung chương:

2.1. Cơ sở lý thuyết mẫu

2.1.1. Khái niệm cơ bản.

2.1.2. Tổng thể nghiên cứu.

2.1.3. Mẫu ngẫu nhiên.

2.1.4. Thống kê.

2.1.5. Quy luật phân phối xác suất liên hệ

Chương 6: Ước lượng tham số Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu được khái niệm ước lượng;

1.2. Tìm được ước lượng không lệch, hiệu quả trong số các ước lượng đã cho;

1.3. Với số liệu mẫu, ước lượng được các tham số tổng thể và suy luận từ đó;

2. Nội dung chương:

2.1.1. Lý thuyết ước lượng.

2.1.2. Ước lượng trung bình tổng thể.

2.1.3. Ước lượng phương sai tổng thể.

2.1.4. Ước lượng tỷ lệ tổng thể.

Chương 7: Giới thiệu về thống kê, phân phối, biến số Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được khái niệm thống kê và ứng dụng thống kê trong y học, phân biệt được các loại biến số.

2. Nội dung chương:**.**

2.1. Thống kê, phân phối và biến số

Chương 8: Ước lượng, Kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui Thời gian: 22 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các ứng dụng của phân phối mẫu trong việc ước lượng, kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui.

2. Nội dung chương:

2.1. Ước lượng

2.2. Nguyên tắc kiểm định - so sánh 2 tỷ lệ

2.3. Số trung bình, trung vị , độ lệch chuẩn bằng R

2.4. Kiểm định chi bình phương bằng R

2.5. Kiểm định T-test bắt cặp, không bắt cặp, Anova bằng R

2.6. Tương quan hồi quy

2.7. Thực hành tính khoảng tin cậy

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Hội trường

2. Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Kiến thức cơ bản trong thống kê và các nguyên lý lựa chọn kiểm định thống kê phù hợp.

- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra.

- Về năng lực: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột kiểm tra định kỳ, 01 cột kiểm tra thường xuyên) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên:

Lý thuyết:Thuyết trình, thực hiện phương phápdạy/họctích cực.

Thực hành: Tại phòng thực hành của trường, bài tập nhóm

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập, thảo luận làm bài tập nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn toán, Giáo trình toán xác xuất thống kê, Trường ĐHYD.

2. Burns W.B. Practice of Nursing research. (4 th ed., 2001). SaundersPublishing.

3. Nguyễn Duy Tiến. (2000). Lý thuyết xác xuất. Nhà xuất bản giáo dục

4. Bài giảng Xác suất thống kê – Tổ hợp Giáo dục TO.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 5

Tên môn học: PHÁP LUẬT

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 1TC**;** HK I**;** 15 giờ (Lý thuyết: 9 giờ; Thảo luận, bài tập: 5 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Pháp luật dân sự	5	3	2	

2	Bài 2: Pháp luật hành chính	4	3	1	
3	Bài 3: Pháp luật hình sự	6	3	2	1
	Cộng	**15**	**9**	**5**	**1**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1:PHÁP LUẬT DÂN SỰ Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.

- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự

2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự

2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản

2.3.2. Hợp đồng

Bài 2:PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;

- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính

2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính

2.2.1. Vi phạm hành chính

2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 3:PHÁP LUẬT HÌNH SỰ Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.

- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự

2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự

2.2.1.Tội phạm

2.2.2. Hình phạt

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

2. Bộ Luật lao động, 2012.

3. Bộ Luật dân sự, 2015.

4. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

5. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.

6. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.

7. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.

8. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

9. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.

10. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.

11. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.

13. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).

14. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.

15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

16. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

17. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.

18. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

19. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

20. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

21. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.

22. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.

23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.

24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 6

Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 1TC, HK II, 20 giờ (LT: 19, TH: 0, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học này thực hiện học kỳ II.

- Tính chất: Môn học này trang bị cho sinh viên những nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử), giúp cho việc học các môn y học cơ sở và lâm sàng, làm được một số kỹ thuật để minh họa kiến thức sinh học đại cương. Cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất và các qui luật di truyền chi phối các tính trạng của người, giải thích nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người, thực hiện được một số xét nghiệm di truyền học; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày cấu trúc vi thể, siêu vi thể và chức năng của tế bào.

+ Trình bày quá trình phát triển cá thể và các nhân tố tác động lên sự phát triển cá thể.

+ Trình bày các nguyên lý của di truyền học cơ sở và bước đầu vận dụng vào di truyền người.

+ Trình bày xu thế phát triển của sinh học phân tử và các nguyên lý sinh thái có quan hệ đến loài người.

- Về kỹ năng:

+ Nhận biết được cấu trúc và chức năng của tế bào

+ Nhận biết được bộ nhiễm sắc thể người về hình thái

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Người học vận dụng kiến thức và kỹ năng đã được học vào thực tế

+ Thể hiện ý thức, thận trọng trong việc học môn sinh học và di truyền để phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1: Tế bào, sinh học phân tử				
1	Hệ thống tế bào	2	2		
2	Cấu trúc và chức năng của tế bào	2	2		

3	Sự phân chia tế bào	2	2		
4	Sự phát triển giao tử ở người	2	2		
5	Sinh học phát triển	2	2		
6	Các qui luật di truyền	2	2		
	Chương 2 : Nhiễm sắc thể, di truyền				
7	Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người	2	2		
8	Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính	2	2		
9	Sinh học phân tử	2	2		
10	Sinh thái học	2	1		1
	Cộng	**20**	**19**		**1**

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Tế bào – sinh học phân tử Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cấu trúc, chức năng, phân chia của tế bào

1.2. Trình bày được sự phát triển giao tử và các qui luật di truyền.

2. Nội dung chương

2.1. Hệ thống tế bào.

2.1.1. Khái quát hệ thống sống

2.1.2. Lịch sử phát triển của tế bào

2.1.3. Phương pháp nghiên cứu trong sinh học tế bào

2.1.4. Sinh học tế bào với sản xuất đời sống

2.2. Cấu trúc và chức năng của tế bào.

2.2.1. Hình dạng tế bào

2.2.2. Kích thước tế bào

2.2.3. Số lượng tế bào

2.2.4. Các dạng tế bào và cấu trúc đại cương

2.3. Sự phân chia tế bào.

2.3.1. Sự phân bào trực phân

2.3.2. Sự phân bào gián phân

2.3.3. Phân bào giảm nhiễm

2.4. Sự phát triển giao tử ở người.

2.4.1. Nguồn gốc 2 dòng tế bào xôma và sinh dục

2.4.2. Sự phát triển giao tử

2.4.3. Nguồn gốc các giao tử

2.4.4. Quá trình tạo giao tử

2.5. Sinh học phát triển.

2.5.1. Giai đoạn tạo giao tử

2.5.2. Giai đoạn tạo hợp tử

2.5.3. Giai đoạn tạo phối thai

2.5.4. Giai đoạn sinh trưởng

2.5.5. Giai đoạn trưởng thành

2.5.6. Giai đoạn già lão

2.5.7. Giai đoạn tử vong

2.6. Các qui luật di truyền.

2.6.1. Quy luật Menđen

2.6.2. Quy luật Menđen – Quy luật phân ly độc lập

2.6.3. Tương tác gen và tác động đa hiệu của gen

2.6.4. Liên kết gen

2.6.5. Hoán vị gen

2.6.6. Di truyền liên kết với giới tính và di truyền ngoài nhân

2.6.7. Ảnh hưởng của môi trường lên sự biểu hiện của gen

Chương 2. Nhiễm sắc thể, di truyền Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cấu trúc, chức năng, phân chia của nhiễm sắc thể.

1.2. Trình bày được đặc điểm di truyền từng nhóm bệnh di truyền

2. Nội dung:

2.1. Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người.

2.1.1. Sơ lược lịch sử nghiên cứu NST người

2.1.2. Phương pháp xét nghiệm nhiễm sắc thể người

2.1.3. Đặc điểm bộ nhiễm sắc thể người

2.1.4. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể thường

2.1.5. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể giới tính

2.2. Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính.

2.2.1. Lịch sử của di truyền học

2.2.2. Nội dung của di truyền học người

2.2.3. Bệnh di truyền đơn gen, đa gen

2.2.4. Bệnh di truyền Hemoglobin, nhóm máu

2.2.5. Bệnh di truyền ung thư, di truyền học quần thể người

2.3. Sinh học phân tử.

2.3.1. DNA, chức năng của DNA, cơ chế tự nhân đôi của DNA

2.3.2. RNA, quá trình phiên mã

2.3.3. Cấu trúc và chức năng của protein

2.3.4. Quá trình dịch mã và điều hòa sinh tổng hợp protein

2.4. Sinh thái học.

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Đối tượng sinh thái học

2.4.3. Mối quan hệ giữa sinh thai học với các môn học khác

2.4.4. Phương pháp nghiên cứu sinh thái học

2.4.5. Lịch sử phát triển sinh thái học

2.4.6. Ý nghĩa của sinh thái học

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên hội trường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, kính hiển vi, máy chiếu Video

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, transferan, tranh ảnh, lam); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

-Về kiến thức: đánh giá qua bài thi tự luận/ trắc nghiệm các nội dung về cơ sở vật chất và các qui luật di truyền, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh, tật di truyền ở người.

- Về kỹ năng: đánh giá bằng thi thực hành chạy trạm (trả lời câu hỏi qua tranh ảnh, nhận định mẫu trên lam kính, trên kính hiển vi, tình huống qua chiếu video).

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tìm tài liệu mở rộng kiến thức, độc lập nhận định được các mẫu trong giờ thực hành trên lớp và tại các phòng xét nghiệm tại các cơ sở y tế đến thực tập..

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: thuyết trình, diễn giảng có minh hoạ, phát vấn, thảo luận nhóm và hướng dẫn giải quyết các bài tập tình huống có liên quan.

- Đối với học sinh: Tự học, thảo luận nhóm, làm bài tập tình huống.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu học tập/ tham khảo:

- Giáo trình học phần Sinh học đại cương và di truyền do nhà trường biên soạn

- Đại học Y Hà Nội, Bài giảng sinh học tế bào, NXB Y học.

- Đại học Y Hà Nội, Sinh học, NXB Y học.

- Đại học Quốc gia Hà Nội, Bệnh học di truyền, NXB Giáo dục.

5. Ghi chú và giải thích: Toán – Tin – Hóa – Sinh – Ngoại ngữ thuộc khoa khoa học cơ bản

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 7

Tên môn học: VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG VÀ LÝ SINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 1TC, HK II, 20 giờ (LT: 19, TH: 0 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

Vị trí:

Môn học thực hiện học kỳ II, sau môn học sinh học và di truyền.

Tính chất:

Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết vật lý-lý sinh, vận dụng được các kiến thức môn học vào các học phần khác.

Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

II. Mục tiêu môn học:

+ Trình bày được những khái niệm cơ bản về sinh lý y học.

+ Trình bày được sự phân cực của chất điện môi; Tương tác từ của dòng điện; Bản chất của dòng điện; Dòng điện và sự sống; Quang sinh học; Phóng xạ sinh học

+ Trình bày được cơ chế vật lý của các quá trình sinh học xảy ra trong cơ thể con người.

+ Trình bày được Lý sinh tuần hoàn, hô hấp và một số cơ quan cảm giác

- Về kỹ năng

+ Áp dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc bệnh nhân một cách khoa học.

+ Trình bày một số phương pháp vật lý cơ bản được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực hiện nay.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Vận dụng được các kiến thức trên vào việc học tập và nghiên cứu các môn Y học cơ sở và y học lâm sàng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Tên chương	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1: Vật lý đại cương				
1	Sự phân cực của chất điện môi	2	2		

2	Tương tác từ của dòng điện	2	2		
3	Bản chất của dòng điện	2	2		
4	Dòng điện và sự sống	2	2		
5	Quang sinh học	2	2		
6	Phóng xạ sinh học	2	2		
	Chương 2: Lý sinh trong Y học				
7	Lý sinh tuần hoàn và hô hấp	2	2		
8	Lý sinh một số cơ quan cảm giác	2	2		
9	Một số phương pháp lý sinh dùng trong y học	2	2		
10	Phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm	2	1		1
	Cộng	**20**	**19**		**1**

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Vật lý đại cương Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được sự phân cực của chất điện môi; Tương tác từ của dòng điện; Bản chất của dòng điện; Dòng điện và sự sống; Quang sinh học; Phóng xạ sinh học.

2. Nội dung chương

2.1. Sự phân cực của chất điện môi

2.1.1 Hiện tượng phân cực điện môi

2.1.2. Phân tử phân cực và phân tử không phân cực

2.1.3. Giải thích hiện tượng phân cực điện môi

2.2. Tương tác từ của dòng điện

2.2.1. Thí nghiệm về tương tác của dòng điện

2.2.2. Định luật Ampère về tương tác từ của dòng điện

2.3. Bản chất của dòng điện

2.3.1. Định nghĩa dòng điện

2.3.2. Bản chất của dòng điện

2.3.3. Tác dụng của dòng điện

2.4. Dòng điện và sự sống

2.4.1 Hiện tượng định sinh vật

2.4.2. Tác dụng của dòng điện lên cơ thể và ứng dụng trong điều trị

2.5. Quang sinh học

2.5.1. Đại cương về tác dụng của ánh sang lên cơ thể sống

2.5.2. Một số quá trình quang sinh

2.6. Phóng xạ sinh học.

2.6.1. Bức xạ ion hóa

2.6.2. Tác dụng sinh học của bức xạ ion hóa

Chương 2: Lý sinh trong y học Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được Lý sinh tuần hoàn, hô hấp và một số cơ quan cảm giác.
- Thực hiện được một số phương pháp lý sinh dùng trong y học.
- Thực hiện phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm.

2. Nội dung chương:

2.1. Lý sinh tuần hoàn và hô hấp

2.1.1. Sơ lược về tính chất vật lý của hệ tuần hoàn

2.1.2. Sự thay đổi áp suất và tốc độ chảy của máu trong các động mạch

2.1.3. Hoạt động hô hấp

2.1.4. Sự vận chuyển khí trong cơ thể

2.1.5. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình trao đổi khí

2.2. Lý sinh một số cơ quan cảm giác

2.2.1. Thị giác

2.2.1.1. Quang hình học của mắt

2.2.1.2. Khả năng điều tiết của mắt

2.2.1.3. Khả năng phân ly của mắt

2.2.2. Thính giác

2.2.2.1. Sơ lược cấu tạo cơ quan thính giác

2.2.2.2. Cơ chế quá trình nghe

2.3. Một số phương pháp lý sinh dùng trong y học

2.3.1. Ứng dụng của siêu âm trong y học

2.3.2. Ứng dụng của laser trong y học

2.4. Phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm

2.4.1. Sai số

2.4.2. Phân tích đồ thị các số liệu thực nghiệm

IV. Điều kiện thức hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hànhtrên phòng thực hành lý sinh

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, máy chiếu Video

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, tài liệu phát tay); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: đánh giá qua bài thi tự luận/ trắc nghiệm các nội dung về sự biến đổi năng lượng và trao đổi vật chất trong cơ thể, các hiện tượng âm, hiện tượng điện sinh học, tác dụng của ánh sáng và bức xạ ion hóa lên tổ chức sinh học.

- Kỹ năng: vận dụng một số kỹ thuật vật lý và lý sinh thường dùng trong chẩn đoán và điều trị: kỹ thuật hiển vi, quang phổ, tia X và bức xạ ion hóa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần, năng động và sáng tạo của sinh viên.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học vật lý đại cương và lý sinh được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng nghề trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, áp dụng phương pháp dạy/học tích cực.

- Thực hành: Tại phòng thí nghiệm của trường. thực hành trên sinh vật thí nghiệm (ếch, chó...)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cần trang bị cho sinh viên những kiến thức về sự biến đổi năng lượng và trao đổi vật chất trong cơ thể, các hiện tượng âm trong cơ thể sống, hiện tượng điện sinh học, tác dụng của ánh sáng và bức xạ ion hóa lên tổ chức sinh học, một số kỹ thuật vật lý và lý sinh thường dùng trong chẩn đoán và điều trị: kỹ thuật hiển vi, quang phổ, tia X và bức xạ ion hóa.

4. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Văn Thiện, Vật lý đại cương, Đại học Y khoa Hà Nội 1994.

- Nguyễn Văn Thiện, Bài giảng lý sinh y học 1998.

- Giáo trình Lý sinh y học, Giáo trình giảng dạy cho cử nhân y tế công cộng, của trường Đại học y tế công cộng (NXB Y học 2004).

- Lương Duyên Bình, Vật lý đại cương (tập 1), NXB Giáo dục 2003.

- Phan Sỹ An và cộng sự, Lý sinh y học, NXB Y học 1998.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 8

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 1TC; HK II; 30 giờ (lý thuyết: 01 giờ; thực hành: 27 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất

1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
A	**Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG**	**14**	**0**	**13**	**1**
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	7		7	
2	Bài 2: Điền kinh	7		6	1
B	**Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN**	**16**	**1**	**14**	**1**

	(chọn 1 trong các chuyên đề sau)				
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	16	1	14	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu long	16	1	14	1
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	16	1	14	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	16	1	14	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	16	1	14	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	16	1	14	1
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	16	1	14	1
	Cộng	**30**	**1**	**27**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG Thời gian: 14 giờ

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;

- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

2.3. Nhảy cao hoặc nhảy xa

Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường quyết định chọn dạy một trong hai nội dung điền kinh dưới đây: Nhảy cao hoặc nhảy xa.

2.3.1. Nhảy cao

2.3.1.1. Tác dụng của nhảy cao

2.3.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao

2.3.2. Nhảy xa

2.3.2.1. Tác dụng của nhảy xa

2.2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN Thời gian: 16 giờ

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.2.5. Kỹ thuật xuất phát

2.2.6. Kỹ thuật quay vòng

2.2.7. Kỹ thuật về đích

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chếch), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.2.7. Kỹ thuật đập cầu

2.2.8. Chiến thuật thi đấu

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng

2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật bắt bóng bằng một tay

2.2.5. Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay

2.2.6. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.7. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực

2.2.8. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/ khống chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

2.2.5 Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân

2.2.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân

2.2.7. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên

2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật líp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật bạt bóng thuận và trái tay

2.2.5. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.2.6. Kỹ thuật tấn công và phòng thủ (thuận và trái tay)

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tenis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hố nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.

7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.

9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.

13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.

15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.

16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.

17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 9

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện:1TC; HK II; 30 giờ (lý thuyết: 15giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 14giờ; kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyển thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

- Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**Thực hành**	**Kiểm tra**
1	Bài 1: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
2	Bài 2: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
4	Bài 4: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
5	Bài 5: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	3	6	1
	CỘNG	**30**	**15**	**14**	**1**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1:ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, TƯ TƯỞNG Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

Bài 2:CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân

2.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân

2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 3:XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 4:KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG, CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

Bài 5:GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;

- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;

- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.1.3. Súng trung liên RPĐ cỡ 7,62 mm

2.1.4. Súng diệt tăng B41

2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn F-1

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1

2.3. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPĐ, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn Φ1, lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPĐ, B41 cắt bổ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn Φ1, lựu đạn cần 97 cắt bổ;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn Φ1, lựu đạn cần 97 luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LĐT-15).

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Trang phục mùa hè;
+ Trang phục dã chiến;
+ Mũ Kêpi;
+ Mũ cứng;
+ Mũ mềm;
+ Thắt lưng;
+ Giầy da;
+ Tất sợi;
+ Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Biển tên;
+ Ca vát.

- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Trang phục hè;

+ Mũ cứng;

+ Mũ mềm;

+ Giầy vải;

+ Tất sợi;

+ Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Thắt lưng;

+ Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII", Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

3. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.

5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.

6. Luật an ninh quốc gia, 2004.

7. Bộ luật hình sự, 2015.

8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.

9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.

10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.

11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.

12. Luật biển Việt Nam, 2012.

13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.

14. Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.

15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.

16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.

17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.

18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.

19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CPngày 15/05/2018quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

23. Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

24. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

25. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

26. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

27. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.

28. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.

29. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.

30. Sách dạy bắn súng trung liên RPĐ, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.

31. Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC10

Tên môn học: HÓA HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 00 giờ;

Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ II.

- Tính chất môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc, cung cấp kiến thức cơ bản về hóa học làm tiền đề cho các môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày và giải thích được cấu tạo và tính chất của các hệ vật chất (nguyên tử, nguyên tố, phân tử, phức chất, vật thể) nhờ những kiến thức cơ bản nhất về cơ học lượng tử.

2. Nêu được khái niệm cơ bản về dung dịch và và tính toán được các loại nồng độ khác nhau sử dụng trongdung dịch.

3. Trình bày được mối liên quan giữa cấu tạo và tính chất của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ quan trọng, từ đó hiểu và giải thích được vai trò của chúng trong Y học

4. Phân loại, đọc tên và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học.

- Về kỹ năng:

5**.** Vận dụng các kiến thức môn Hóa họcđể áp dụng vào các môn học chuyên ngành khác.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

6. Có ý thức tuân thủ nghiêm ngặt các qui định về an toàn trong phòng thí nghiệm.

7. Rèn luyện được tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác và trung thực trong quá trình học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
Chương I: Cấu tạo chất và nhiệt động hóa học		**13**			
1	1. Cấu tạo chất		4		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2. Nhiệt động hóa học		3		
	3. Dung dịch		3		
	4. Phức chất		3		
Chương II: Hóa học vô cơ					
2	5. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố	**3**	1		
	6. Nguyên tố nhóm chính (A) – Nguyên tố chuyển tiếp (B)		2		
Chương III: Hóa học hữu cơ					
3	7. Phân loại, đọc tên và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học	**4**	3		1
TỔNG CỘNG		**20**	**19**		**1**

2. Nội dung chi tiết:

Chương I: Cấu tạo chất và nhiệt động hóa học Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cấu tạo của nguyên tử, nguyên nhân hình thành các chu kì, nhóm nguyên tố.

- Tính được hiệu ứng nhiệt của phản ứng dựa vào sinh nhiệt, nhiệt cháy, năng lượng liên kết.

- Trình bày được 2 động lực của quá trình tự diễn biến.

- Trình bày được các khái niệm về tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng hóa học.

- Nêu được định nghĩa và cách phân loại các dung dịch, các nồng độ.

- Phân biệt được phức chất và các hợp chất đơn giản, các thành phần của phức chất.

2. Nội dung chương:

2.1. Cấu tạo chất

2.1.1. Những khái niệm và định luật cơ bản trong hóa học

2.1.2. Các qui luật phân bố electron trong nguyên tử.

2.1.3. Cách viết cấu hình electron nguyên tử dạng chữ và ô.

2.1.4. Cấu tạo nguyên tử

2.1.3. Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học

2.1.4. Cấu tạo phân tử - Liên kết hóa học

2.2. Nhiệt động hoá học

2.2.1. Một số khái niệm

2.2.2 Nguyên lý I của nhiệt động lực trong hóa học

2.2.3. Nhiệt hóa học

2.2.4. Định luật Hess và hệ quả

2.2.5. Nguyên lý II của nhiệt động lực trong hóa học

2.3. Dung dịch

2.4.1. Khái niệm

2.4.2. Các cách biểu thị nồng độ dung dịch

2.4.3. Độ tan và những yếu tố ảnh hưởng đến độ tan của các chất

2.4. Phức chất

2.5.1. Định nghĩa và các thành phần phức chất

2.5.2. Phân loại phức chất

2.5.3. Danh pháp phức chất

2.5.4. Liên kết hóa học trong phức chất

Chương II: Hóa học vô cơ Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Giải thích nguyên nhân sự khác nhau về tính chất của các loại nguyên tố s,p,d

- Giải thích được tính chất, vai trò của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ quan trọng trong Y học.

2. Nội dung chương:

2.1. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố

2.1.1. Phân loại các nguyên tố theo cấu hình electron ở trạng thái cơ bản

2.1.2. Tính chất chung của các nguyên tố nhóm chính (A)

2.1.3. Tính chất chung của các nguyên tố chuyển tiếp (B)

2.2. Nguyên tố nhóm chính (A) và nguyên tố chuyển tiếp (B)

2.2.1. Nguyên tố nhóm A

2.2.2. Nguyên tố nhóm B

Chương III: Hóa học hữu cơ Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân loại và đọc tên được các hợp chất hữu cơ cơ bản

- Giải thích được tính chất, vai trò của các hợp chất hữu cơ quan trọng trong Y học.

2. Nội dung chương:

Phân loại và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học

2.1. Phân loại được các hợp chất hữu cơ cơ bản

2.2. Đọc tên được các hợp chất hữu cơ cơ bản

2.3. Tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- *Phòng học chuyên môn:*Phòng thực hành hóa phân tích.

-*Trang thiết bị máy móc:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành thí nghiệm

- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu*: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

- *Các điều kiện khác*: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Hệ thống kiến thức cơ bản về hóa học

+ Kiến thức hóa học vô cơ, hữu cơ

Kỹ năng: vận dụng các kiến thức được học vào các môn học khác và ứng dụng vào thực hành nghề nghiệp.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, 1 cột điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2), trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Hóa Đại cương vô cơ được xây dựng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng các ngành Kỹ thuật xét nghiệm, Kỹ thuyệt phục hồi chức năng, Điều dưỡng, Hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữ lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.

- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được

học qua sách, tạp chí, liên hệ giữ kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm chính và phân nhóm phụ

4. Tài liệu tham khảo:

- Lê Thành Phước (2011), *Hóa đại cương – vô cơ*, tập 1,2, NXB Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2007), Hóa hữu cơ hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức tập 1, NXB Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2007), Hóa hữu cơ hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức tập 2, NXB Y học, Hà Nội.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 11

Tên môn học:HÓA SINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học:1TC; HK I; 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Thực hiện trong học kỳ I.
- Tính chất môn học: Môn học cơ sở ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

- Trình bày được cấu trúc, tính chất lý hóa, quá trình chuyển hóa và chức năng của glucid, lipid, protid, enzyme,...
- Nêu được tầm quan trọng của sự chuyển hóa muối nước và sự thăng bằng acid – base trong cơ thể.
- Trình bày được vai trò của gan, thận đối với cơ thể.

- Về kỹ năng:

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế nghề nghiệp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm :

- Rèn luyện được tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác và trung thực trong quá trình học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	**Bài mở đầu**	1	1		
2	**Chương 1: Hóa học**	6			
	1. Hóa học glucid		1		
	2. Hóa học lipid		1		
	3. Hóa học Protid		1		
	4. Enzyme và xúc tác sinh học		2		**1**
	Chương 2: Chuyển hóa các chất				
	1. Chuyển hóa glucid		2		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
3	2. Chuyển hóa lipid	9	2		
	3. Chuyển hóa Protid		2		
	4. Chuyển hóa muối nước – Thăng bằng acid-base		3		
4	**Chương 3: Hóa sinh các cơ quan**				
	1. Hóa sinh gan	4	1		
	2. Hóa sinh thận và nước tiểu		2		
	3. Hóa sinh máu		1		
	Tổng cộng	**20**	**19**		**1**

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu: Thời gian: 1 giờ

Chương 1: Hóa học Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu được tính chất và vai trò của các glucid, lipid quan trọng trong cấu tạo tế bào

- Giải thích được cơ chế xúc tác và nêu được vai trò của các loại enzym

2. Nội dung chương:

2.1. Hóa học glucid

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Monosaccarid

2.1.3. Disaccarid

2.1.4. Polysaccarid

2.2. Hóa học lipid

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Acid béo

2.2.3. Lipid đơn giản

2.2.4. Lipid phức tạp

2.3. Hóa học Protid

2.3.1. Cấu trúc protein

2.3.2. Chức năng protein

2.4. Enzyme và xúc tác sinh học

2.4.1. Cấu tạo của enzyme

2.4.2. Cơ chế hoạt động của enzyme

2.4.3. Điều hòa enzym

2.4.4. Các chất xúc tác sinh học khác (Hormon, Vitamin)

Chương 2: Chuyển hóa Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Giải thích được cơ chế phản ứng và nêu được ý nghĩa của từng chu trình chuyển hóa glucid

- Trình bày được các quá trình tổng hợp acid béo, triglycerid và phosphatid

- Phân tích vai trò chính và những liên quan của chuyển hóa protid với các chuyển hóa khác.

- Trình bày được vai trò của muối nước đối với cơ thể

- Trình bày được các thông số đánh giá thăng bằng acid – base trong cơ thể.

2. Nội dung chương:

2.1. Chuyển hóa glucid

2.1.1. Tiêu hóa và hấp thu glucid

2.1.2. Thoái hóa glucid

2.1.3. Tổng hợp glucid

2.1.4. Điều hòa chuyển hóa glucid

2.2. Chuyển hóa lipid

2.2.1. Tiêu hóa và hấp thu lipid

2.2.2. Thoái hóa lipid

2.2.3. Tổng hợp lipid

2.2.4. Điều hòa chuyển hóa lipid

2.3. Chuyển hóa Protid

2.3.1. Tiêu hóa và hấp thu Protein

2.3.2. Chuyển hóa acid amin

2.3.3. Sinh tổng hợp protein đặc hiệu

2.4. Chuyển hóa muối nước- Thăng bằng acid-base

2.4.1. Chuyển hóa muối nước

2.4.2. Thăng bằng acid- base

Chương 3: Hóa sinh các cơ quan trong cơ thể Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Nêu được vai trò và tính chất lý hóa của máu.

- Giải thích được vai trò điều hòa đường huyết của gan và nêu được các nghiệm pháp thăm dò chức năng gan.

- Nêu được vai trò tạo nước tiểu của thận và biết được các bất thường trong nước tiểu

2. Nội dung chương

2.1. Hóa sinh gan

2.1.1. Thành phần hóa học của nhu mô gan

2.1.2. Các chức năng hóa sinh của gan

2.1.3. Thăm dò hóa sinh hệ thống gan mật

2.2. Hóa sinh thận và nước tiểu

2.2.1. Chức năng nội tiết và chuyển hóa của thận

2.2.2. Chức năng lọc và bài tiết của thận

2.2.3. Các chất bình thường và bất thường trong nước tiểu

2.2.4. Thử nghiệm thăm dò chức năng thận

2.3. Hóa sinh máu

2.3.1. Tính chất vật lý của máu

2.3.2. Thành phần hóa học của máu

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- **Phòng học chuyên môn***:* Phòng học thực hành hóa sinh.

- **Dụng cụ và trang bị:**Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, bảng, phấn.

- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

- **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- **Kiến thức***:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Tính chất lý hóa, quá trình chuyển hóa và chức năng của glucid, lipid, protid, hemoglobin.

+ Chức năng của các cơ quan bên trong cơ thể như gan, thận,.. và các thăm dò hóa sinh các cơ quan

+ Báo cáo kết quả thực hành sau mỗi buổi thực hành.

- Kỹ năng*:* Liên hệ được môn học với những môn học khác

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm *:* Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

– Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm)

– Điểm thi kết thúc học phần (lý thuyết): trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Hóa sinh xây dựng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữ lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.

- Đối với người học*:* Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Vai trò của glucid, lipid, protid và chức năng chuyển hóa của gan, thận, máu.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y Tế (2010), *Hóa sinh (dùng đào tạo Cao đẳng Y học),* NXB Giáo dục

- Bộ Y Tế (2009), *Hóa sinh học*, NXB Giáo dục

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 12

Tên môn học: DINH DƯỠNG - TIẾT CHẾ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 1TC, HK I, 20 giờ (LT: 19, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:Môn học thực hiện học kỳI.

- Tính chất:Trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản về dinh dưỡng như giá trị của các chất dinh dưỡng, vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng, xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Sau khi học xong phần này sinh viên có khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Trình bày được vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng trong thực phẩm đối với đời sống của con người và cách phòng chống ngộ độc thực phẩm.

- Trình bày nguyên tắc và những yếu tố quyết định thành công của dinh dưỡng trong điều trị.

- Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

Kỹ năng:

- Áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học rèn luyện các kỹ năng xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng	LT	TH	Kiểm tra
1	**Chương 1: Đại cương về dinh dưỡng**	**4**	**4**		
1.1	Đại cương về dinh dưỡng, thành phần dinh dưỡng của thực phẩm, nhu cầu dinh dưỡng.	2	2		
1.2	Nhu cầu năng lượng – Phương pháp xây dựng khẩu phần ăn hợp lý.	2	2		
2	**Chương 2: Dinh dưỡng trong điều trị**	**6**	**6**		

2.1	Các bệnh thiếu dinh dưỡng thường gặp và các biện pháp phòng chống	4	4		
2.2	Ăn uống trong điều trị	2	2		
3	**Chương 3: Vệ sinh an toàn thực phẩm**	**10**	**9**		
3.1	Ngộ độc thức ăn	2	2		
3.2	Vệ sinh nhà ăn công cộng	4	3		1
3.3	Kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2		
3.4	Giám sát dinh dưỡng	2	2		
	Tổng cộng	**20**	**19**		**1**

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về dinh dưỡng

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được vai trò, thành phần dinh dưỡng của thực phẩm và nhu cầu dinh dưỡng đối với cơ thể.

1.2. Trình bày được nhu cầu năng lượng và phương pháp xây dựng khẩu phần ăn hợp lý.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về dinh dưỡng, thành phần dinh dưỡng của thực phẩm, nhu cầu dinh dưỡng.

2.1.1. Đại cương về dinh dưỡng.

2.1.2. Vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể.

2.2. Nhu cầu năng lượng – Phương pháp xây dựng khẩu phần ăn hợp lý.

2.2.1. Nhu cầu về năng lượng của cơ thể.

2.2.2. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn hợp lý.

2.2.3. Mười lời khuyên dinh dưỡng hợp lý cho người Việt Nam của Viện dinh dưỡng.

2.2.4. Chế độ ăn hợp lý cho một số trường hợp đặc biệt.

Chương 2: Dinh dưỡng trong điều trị

1. Mục tiêu:

1.1. Xác định được nguyên nhân, phương pháp đánh giá và biện pháp phòng chống các bệnh thiếu dinh dưỡng thường gặp.

1.2. Trình bày các nguyên tắc ăn uống trong điều trị một số bệnh thường gặp.

2. Nội dung chương:

2.1. Các bệnh thiếu dinh dưỡng thường gặp và các biện pháp phòng chống

2.1.1. Liệt kê các bệnh thiếu dinh dưỡng đang gặp ở Việt Nam.

2.1.2. Ý nghĩa sức khỏe cộng đồng của các bệnh thiếu dinh dưỡng.

2.1.3. Nguyên nhân các bệnh thiếu dinh dưỡng.

2.1.4. Phương pháp đánh giá tình trạng thiếu và dinh dưỡng.

2.1.5. Trình bày các biện pháp phòng chống các bệnh thiếu dinh dưỡng thường gặp.

2.2. Ăn uống trong điều trị

2.2.1. Yếu tố nguy cơ do ăn uống không hợp lý dẫn đến một số bệnh

2.2.2. Nguyên tắc ăn uống áp dụng cho người bệnh trong một số bệnh

Chương 3: Vệ sinh an toàn thực phẩm

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được triệu chứng lâm sàng, đặc điểm dịch tễ học và biện pháp phòng chống một số loại ngộ độc thức ăn

1.2. Liệt kê các nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm và các biện pháp thực hành vệ sinh an toàn thực phẩm

2. Nội dung chương:

2.1. Ngộ độc thức ăn

2.1.1. Đại cương về ngộ độc thức ăn

2.1.2. Ngộ độc thức ăn và biện pháp phòng chống

2.2. Vệ sinh nhà ăn công cộng

2.2.1. Khái niệm về vệ sinh ăn uống và vệ sinh an toàn thực phẩm

2.2.2. Các tiêu chuẩn về vệ sinh của cơ sở ăn uống công cộng

2.2.3. Yêu cầu về vệ sinh trong bảo quản, chế biến và vận chuyển thực phẩm

2.2.4. Mục đích và các bước giám sát, kiểm tra việc vệ sinh ở các cơ sở ăn uống công cộng

2.3. Kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm

2.3.1. Kiểm nghiệm thực phẩm

2.3.2. Hướng dẫn lựa chọn một số thực phẩm thường dùng

2.4. Giám sát dinh dưỡng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết giảng dạy trên hội trường, thực hành giảng dạy tại phòng thực hành ở trường.

2. Trang thiết bị dạy học: máy chiếu Projector, máy tính, bảng phấn, tranh ảnh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tranh ảnh, bảng phấn, tài liệu giảng dạy; Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

Kiến thức:

1. Trình bày được vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng trong thực phẩm đối với đời sống của con người và cách phòng chống ngộ độc thực phẩm.

2. Trình bày nguyên tắc và những yếu tố quyết định thành công của dinh dưỡng trong điều trị.

3. Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

Kỹ năng:

Áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học rèn luyện các kỹ năng xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
3. Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Thực tập bệnh viện: Sinh viên thực tập tại khoa lâm sàng của bệnh viện Tỉnh. Sinh viên thực hiện các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng dưới sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của giáo viên Điều dưỡng và các giáo viên kiêm nhiệm của khoa lâm sàng bệnh viện.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng

- Những trọng tâm cần chú ý:

Kiến thức về dinh dưỡng; áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Bộ Y tế, Giáo dục 2008.

- Bộ Y tế (2005), Giáo trình dinh dưỡng, Nhà xuất bản y học.

- Bộ Y Tế (2008), Dinh dưỡng cộng đồng và an toàn vệ sinh thực phẩm, NXB Giáo dục.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 13

Tên môn học:TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH Y

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 2TC, HK II, 40giờ (LT: 39, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

Vị trí:

Môn học thực hiện học kỳ II, trang bị cho sinh viên những kiến thức nâng cao về ngữ pháp, vốn từ vựng chuyên ngành, nâng cao kỹ năng viết, đọc, nghe và biên dịch các tài liệu về chuyên môn. Hỗ trợ sinh viên nghiên cứu các tài liệu tiếng Anh về chuyên môn.

Tính chất:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Đọc hiểu và dịch các tài liệu chuyên môn đơn giản.
- Đọc được tiếng Anh và sử dụng được thuật ngữ Y học
- Sử dụng được một số từ trong Y học.

II. Mục tiêu của môn học:

Kiến thức:

- Đọc, dịch được các bài khóa, nghe, nói, viết được bằng tiếng Anh các từ ngữ liên quan chuyên môn.

Kỹ năng:

- Áp dụng các từ ngữ các cấu trúc ngữ pháp trong chương trình học để đọc, viết, nói và giao tiếp với người nước ngoài.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện ý thức sử dụng tiếng Anh phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH	Kiểm tra
	Chương 1: The contents related to hospital and work in the hospital	**13**	**13**		
1	Bài 1. The hospital team	4	4		
2	Bài 2. In and around the hospital	2	2		
3	Bài 3. Hospital admission	2	2		

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH	Kiểm tra
4	Bài 4. Accident and emergencies	2	2		
5	Bài 5. Pain	3	3		
	Chương 2: Symptoms related to disease, care and nutrition	**13**	**13**		
6	Bài 6. Symptoms	4	4		
7	Bài 7. Caring foe the elderly	2	2		
8	Bài 8. Nutrition and obesity	2	2		
9	Bài 9. Blood	2	2		
10	Bài 10. Death and dying	3	3		
	Chương 3: Content related care and disease management	**14**	**14**		
11	Bài 11. Hygiene	4	4		
12	Bài 12. Mental health nursing	2	2		
13	Bài 13. Mornitoring the patient	2	2		
14	Bài 14. Medication	2	2		
15	Bài 15. Alternative treatments.	4	4		1
	Tổng	**40**	**39**		**1**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Các nội dung liên quan bệnh viện và công việc trong bệnh viện (The contents related to hospital and work in the hospital). Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong học sinh có khả năng nghe, nói, đọc, viết các nội dung liên quan đến bệnh viện và công việc trong bệnh viện.

2. Nội dung chương:

2.1. The hospital team

2.1.1. Read vocabulary

2.1.2. Basic grammatical structure

2.1.3. Read and translate the lesson

2.2. In and around the hospital

2.2.1. Read vocabulary

2.2.2. Basic grammatical structure

2.2.3. Read and translate the lesson

2.3. Hospital admission

2.3.1. Read vocabulary

2.3.2. Basic grammatical structure

2.3.3. Read and translate the lesson

2.4. Accident and emergencies

2.4.1. Read vocabulary

2.4.2. Basic grammatical structure

2.4.3. Read and translate the lesson

2.5. Pain

2.5.1. Read vocabulary

2.5.2. Basic grammatical structure

2.5.3. Read and translate the lesson

Chương 2: Các nội dung liên quan triệu chứng bệnh, chăm sóc và dinh dưỡng (Symptoms related to disease, care and nutrition). Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong học sinh có khả năng nghe, nói, đọc, viết các nội dung liên quan các triệu chứng bệnh, chăm sóc và dinh dưỡng.

2. Nội dung chương:

2.1. Symptoms

2.1.1. Read vocabulary

2.1.2. Basic grammatical structure

2.1.3. Read and translate the lesson

2.2. Caring foe the elderly

2.2.1. Read vocabulary

2.2.2. Basic grammatical structure

2.2.3. Read and translate the lesson

2.3. Nutrition and obesity

2.3.1. Read vocabulary

2.3.2. Basic grammatical structure

2.3.3. Read and translate the lesson

2.4. Blood

2.4.1. Read vocabulary

2.4.2. Basic grammatical structure

2.4.3. Read and translate the lesson

2.5. Death and dying

2.5.1. Read vocabulary

2.5.2. Basic grammatical structure

2.5.3. Read and translate the lesson

Chương 3: Content related care and disease management Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong học sinh có khả năng nghe, nói, đọc, viết các nội dung liên quan chăm sóc và quản lý bệnh.

2. Nội dung chương: Các nội dung liên quan chăm sóc và quản lý bệnh.

(Content related care and disease management)

2.1. Hygiene

2.1.1. Read vocabulary

2.1.2. Basic grammatical structure

2.1.3. Read and translate the lesson

2.2. Mental health nursing

2.2.1. Read vocabulary

2.2.2. Basic grammatical structure

2.2.3. Read and translate the lesson

2.3. Mornitoring the patient

2.3.1. Read vocabulary

2.3.2. Basic grammatical structure

2.3.3. Read and translate the lesson

2.4. Medication

2.4.1. Read vocabulary

2.4.2. Basic grammatical structure

2.4.3. Read and translate the lesson

2.5. Alternative treatments.

2.5.1. Read vocabulary

2.5.2. Basic grammatical structure

2.5.3. Read and translate the lesson

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên hội trường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, Tài liệu phát tay cho học sinh); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Giảng dạy theo quy định của giáo trình môn học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kỹ năng: Giảng viên thuyết trình, giảng dạy.

- Năng lực tự chủ: Học sinh học lý thuyết tại hội trường dưới sự hỗ trợ của phương tiện trực quan Projector, máy vi tính và thực hành tại lớp dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

- Nursing 1 – Student’s book, Tony Grice, Oxford English for Careers;

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 14

Tên môn học: SINH LÝ BỆNH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học:1TC; HK I; 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ I.

- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc phần cơ sở ngành, sau môn Giải phẫu – sinh lý.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được những khái niệm chính về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh.

2. Trình bày được những rối loạn chủ yếu của các cơ quan và hệ thống trong những tình trạng bệnh lý quan trọng và phổ biến.

3. Trình bày được một số cơ chế của các tình trạng bệnh lý quan trọng, phổ biến

- Về kỹ năng:

1. Vận dụng được vào việc học tập các học phần khác và công tác chăm sóc người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Có được một quan niệm đúng đắn, khoa học về nguyên nhân gây bệnh, về cơ chế bệnh sinh và về điều trị bệnh.

III. Nội dung môn học:

1.Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Đại cương về sinh lý bệnh	01	01	00	
2	Rối loạn chuyển hóa glucid	01	01	00	
3	Rối loạn chuyển hóa protid	01	01	00	
4	Rối loạn chuyển hóa chuyển hóa lipid	01	01	00	
5	Rối loạn cân bằng nước – điện giải	01	01	00	
6	Rối loạn cân bằng acid - base	01	01	00	
7	Sinh lý bệnh quá trình viêm	01	01	00	

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
8	Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – sốt	01	01	00	
9	Sinh lý bệnh hệ tạo máu	01	01	00	
10	Sinh lý bệnh tuần hoàn	02	02	00	
11	Sinh lý bệnh hô hấp	02	02	00	
12	Sinh lý bệnh tiêu hóa	02	02	00	
13	Sinh lý bệnh chức năng gan	02	02	00	
14	Sinh lý bệnh chức năng thận	01	01	00	
15	Miễn dịch bệnh lý	02	01	00	01
	Tổng cộng	**20**	**19**	**00**	**01**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương về sinh lý bệnh Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày định nghĩa, vai trò môn học sinh lý bệnh trong y học.

1.2. Trình bày quan niệm về bệnh, các yếu tố liên quan.

1.3. Trình bày quan niệm về bệnh nguyên và xếp loại bệnh nguyên.

1.4. Trình bày quan niệm về bệnh sinh, các yếu tố ảnh hưởng quá trình bệnh sinh.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Vị trí, tính chất vai trò môn học

2.2.1. Vị trí.

2.2.2. Tính chất và vai trò.

2.3. Khái niệm về bệnh

2.3.1. Một số khái niệm trong lịch sử.

2.3.2. Quan niệm về bệnh hiện nay

2.4. Khái niệm về bệnh nguyên học

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Quan niệm trước đây về bệnh nguyên.

2.4.3. Quan niệm hiện nay về bệnh nguyên

2.4.4. Xếp loại bệnh nguyên

2.5. Khái niệm về bệnh sinh học.

2.5.1. Đại cương.

2.5.2. Vai trò và ảnh hưởng của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh.

2.5.3. Điều trị bệnh theo bệnh sinh và vòng xoắn bệnh lý.

2.5.4. Diễn biến và kết thúc của bệnh nói chung.

Bài 2: Rối loạn chuyển hóa Glucid Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày vai trò của nội tiết, thần kinh trung ương trong điều hòa glucose máu.

1.2. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả của hạ glucose máu.

1.4. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả của tăng glucose máu.

1.5. Trình bày bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh đái tháo đường.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương.

2.1.1. Vai trò của glucid đối với cơ thể.

2.1.2. Tiêu hóa, hấp thu, vận chuyển.

2.1.3. Chuyển hóa.

2.1.4. Điều hòa cân bằng glucose máu.

2.2. Rối loạn chuyển hóa glucid.

2.2.1. Rối loạn glucose máu

2.2.2. Bệnh đái tháo đường.

Bài 3: Rối loạn chuyển hóa protid Thời gian: 1 giờ

1. Muc tiêu

1.1. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của giảm protid huyết tương.

1.2. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của sự thay đổi thành phần protid huyết tương.

1.3. Trình bày cơ chế bệnh sinh rối loạn gen cấu trúc, gen điều hòa.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương.

2.1.1. Vai trò protid trong cơ thể.

2.1.2. Tiêu hóa, hấp thu.

2.1.3. Tổng hợp, giáng hóa protid.

2.2. Rối loạn chuyển hóa protid.

2.2.1. Rối loạn tổng hợp protid về lượng

2.2.2. Rối loạn protid của huyết tương.

2.2.3. Rối loạn tổng hợp protid về chất.

2.2.4. Rối loạn chuyển hóa acid nhân

Bài 4: Rối loạn chuyển hóa lipid Thời gian: 1 giờ

1. Muc tiêu

1.1. Trình bày vai trò của nội tiết đối với chuyển hóa lipid.

1.2. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của tăng lipid máu.

1.3. Trình bày nguyên nhân tăng cholesterol máu.

1.4. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của bệnh béo phì, bệnh xơ vữa động mạch.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương.

2.1.1. Tiêu hóa hấp thu

2.1.2. Sử dụng, vận chuyển trong máu.

2.1.3. Các typ lipo-protein (LP)

2.1.4. Dự trữ mỡ.

2.1.5. Sự điều hòa nội tiết đối với chuyển hóa lipid

2.2.Rối loạn chuyển hóa lipid

2.2.1. Tăng lipid máu

2.2.2. Rối loạn lipo-protein.

2.2.3. Rối loạn chuyển hóa cholesterol

2.2.4. Béo phì.

2.2.5. Gầy.

2.2.6. Xơ vữa động mạch

Bài 5: Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải Thời gian: 1 giờ

1. Muc tiêu

1.1. Kể được ba cách phân loại mất nước.

1.2. Trình bày được sơ đồ cơ chế bệnh sinh dẫn đến vòng xoắn bệnh lý trong tiêu chảy mất nước.

1.3. Giải thích sáu cơ chế gây phù.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về chuyển hóa nước và điện giải.

2.1.1. Vai trò của nước và điện giải.

2.1.2. Cân bằng, xuất nhập nước và muối trong cơ thể.

2.1.3. Sự phân bố và trao đổi nước, điện giải giữa các khu vực trong cơ thể

2.1.4. Điều hòa khối lượng nước và áp lực thẩm thấu.

2.2.Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải

2.2.1. Rối loạn chuyển hóa nước.

2.2.2. Rối loạn cân bằng điện giải.

Bài 6: Rối loạn cân bằng toan – kiềm Thời gian: 1 giờ

1. Muc tiêu

1.1. Trình bày vai trò điều hòa pH máu của hệ đệm, phổi và thận.

1.2. Trình bày phân loại và cơ chế nhiễm toan, nhiễm kiềm.

2. Nội dung chương:

2.1. Ý nghĩa của pH trong máu.

2.2. Các cơ chế điều hòa của pH máu.

2.2.1. Vai trò của hệ thống đệm.

2.2.2. Vai trò hô hấp.

2.2.3. Vai trò của thận.

2.3. Rối loạn cân bằng toan – kiềm

2.3.1. Nhiễm toan.

2.3.2. Nhiễm kiềm.

2.4. Những thông số đánh giá cân bằng toan – kiềm.

Bài 7: Sinh lý bệnh quá trình viêm Thời gian: 1 giờ

1. Muc tiêu

1.1. Trình bày cơ chế, biểu hiện của rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.

1.2. Trình bày các rối loạn chuyển hóa tại ổ viêm.

1.3. Trình bày tổn thương mô, tế bào tại ổ viêm.

1.4. Trình bày mối quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương.

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Nguyên nhân gây bệnh.

2.1.3. Phân loại viêm.

2.2. Những biến đổi chủ yếu trong viêm.

2.2.1. Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.

2.2.2. Rối loạn chuyển hóa.

2.2.3. Tổn thương mô.

2.2.4. Tăng sinh tế bào – quá trình lành vết thương.

2.3. Quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.

2.3.1. Ảnh hưởng của trạng thái thần kinh đối với phản ứng viêm.

2.3.2. Phản ứng viêm ảnh hưởng đến toàn cơ thể.

2.3.3. Nguyên tắc xử trí ổ viêm.

Bài 8: Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – Sốt Thời gian: 1 giờ

1. Muc tiêu

1.1. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của giảm thân nhiệt.

1.2. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của tăng thân nhiệt.

1.3. Trình bày nguyên nhân, các giai đoạn của sốt.

1.4. Trình bày các thay đổi chuyển hóa, các chức năng trong sốt.

1.5. Trình bày ý nghĩa của sốt.

2. Nội dung chương:

2.1. Điều hòa thân nhiệt.

2.1.1. Biến nhiệt và ổn nhiệt.

2.1.2. Cơ chế duy trì ổn định thân nhiệt.

2.2. Thay đổi thân nhiệt thụ động.

2.2.1. Giảm thân nhiệt.

2.2.2. Tăng thân nhiệt.

2.3. Thay đổi chủ động thân nhiệt: Sốt.

2.3.1. Định nghĩa.

2.3.2. Chất gây sốt.

2.3.3. Các giai đoạn của quá trình sốt.

2.3.4. Cơ chế sốt – các yếu tố ảnh hưởng đến sốt.

2.3.5. Thay đổi chuyển hóa trong sốt.

2.3.6. Thay đổi chức năng trong sốt.

2.3.7. Ý nghĩa của sốt.

Bài 9: Sinh lý bệnh tạo máu Thời gian: 1 giờ

1. Muc tiêu

1.1. Trình bày phân loại, nguyên nhân của bệnh thiếu máu.

1.2. Trình bày nguyên nhân tăng bạch cầu, giảm bạch cầu.

1.3. Trình bày nguyên nhân tình trạng tăng đông, giảm đông máu.

2. Nội dung chương:

2.1. Sinh lý bệnh tạo hồng cầu.

2.1.1. Những cách phân loại chủ yếu.

2.1.2. Phân loại thiếu máu theo bệnh sinh.

2.1.3. Thiếu máu hồng cầu khổng lồ.

2.1.4. Thiếu máu nhược sắc.

2.1.5. Thiếu máu do tăng hủy hồng cầu tan huyết.

2.2. Sinh lý bệnh tạo bạch cầu.

2.2.1. Tăng số lượng bạch cầu.

2.2.2. Giảm số lượng bạch cầu.

2.3. Sinh lý bệnh tạo tiểu cầu và rối loạn đông máu và rối loạn đông máu.

2.3.1. Tình trạng tăng đông.

2.3.2. Tình trạng giảm đông.

Bài 10: Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn Thời gian: 2 giờ

1. Muc tiêu

1.1. Trình bày cơ chế chung của suy tim.

1.2. Trình bày cơ chế của những biểu hiện suy tim trái và suy tim phải.

1.3. Trình bày cơ chế của cao huyết áp nguyên phát.

2. Nội dung chương:

2.1. Suy tim

2.1.1. Nhắc lại sinh lý học.

2.1.2. Suy tim

2.2. Bệnh lý ở mạch.

2.2.1. Xơ vữa động mạch.

2.2.2. Cao huyết áp.

2.2.3. Hạ huyết áp.

Bài 11: Sinh lý bệnh hệ hô hấp Thời gian: 2 giờ

1. Muc tiêu

1.1. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của rối loạn thông khí.

1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của rối loạn khuếch tán.

1.3. Trình bày các biểu hiện và cơ chế bệnh sinh của suy hô hấp.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương chức năng hô hấp.

2.2. Rối loạn thông khí.

2.2.1. Rối loạn thông khí do không khí thở.

2.2.2. Rối loạn thông khí do bệnh lý của bộ máy hô hấp.

2.3. Rối loạn khuếch tán.

2.3.1. Rối loạn khuếch tán do giảm diện tích màng trao đổi.

2.3.2. Rối loạn khuếch tán do tăng độ dày màng trao đổi.

2.3.3. Rối loạn khuếch tán do giảm hiệu số phân áp.

2.4. Suy hô hấp.

2.4.1. Định nghĩa.

2.4.2. Phân loại.

2.4.3. Biểu hiện của suy hố hấp.

2.4.4. Thích nghi của cơ thể trong suy hô hấp.

Bài 12: Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa Thời gian: 2 giờ

1. Muc tiêu

1.1. Trình bày tác nhân và cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày – tá tràng.

1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, hậu quả của hội chứng tiêu lỏng, hội chứng tắc ruột và hội chứng táo bón và hội chứng rối loạn hấp thu.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương.

2.2. Sinh lý bệnh chức năng dạ dày.

2.2.1. Chức năng co bóp dạ dày

2.2.2. Rối loạn chức năng co bóp dạ dày.

2.2.3. Chức năng tiết dịch dạ dày.

2.2.4. Rối loạn chức năng tiết dịch dạ dày.

2.2.5. Tác nhân và cơ chế gây loét dạ dày – tá tràng.

2.3. Sinh lý bệnh chức năng ruột.

2.3.1. Rối loạn tiết dịch tại ruột.

2.3.2. Rối loạn co bóp ruột.

2.3.3. Rối loạn hấp thu tại ruột – thiểu năng tiêu hóa.

Bài 13: Sinh lý bệnh chức năng gan Thời gian: 2 giờ

1. Muc tiêu

1.1. Trình bày các rối loạn chức năng gan.

1.2. Trình bày nguyên nhân và biểu hiện của suy gan cấp và mạn.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương.

2.2. Nguyên nhân gây rối loạn chức năng gan.

2.2.1. Các yếu tố gây bệnh.

2.2.2. Đường xâm nhập của các yếu tố gây bệnh.

2.3. Rối loạn chức năng của gan.

2.3.1. Rối loạn chức năng chuyển hóa.

2.3.2. Rối loạn chức năng chống độc.

2.3.3. Rối loạn chức năng cấu tạo và bài tiết mật.

2.3.4. Rối loạn tuần hoàn và chức năng tạo máu.

2.4. Suy gan.

2.4.1. Suy gan cấp tính.

2.4.2. Suy gan mạn tính.

2.4.3. Hôn mê gan.

Bài 14: Sinh lý bệnh chức năng thận Thời gian: 1 giờ

1. Muc tiêu

1.1. Trình bày các thay đổi của nước tiểu, của máu trong bệnh thận.

1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, biểu hiện, hậu quả của viêm cầu thận cấp, viêm cầu thận mạn.

1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, biểu hiện của suy thận mạn.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về chức năng thận

2.2. Vài đặc điểm cấu trúc sinh lý thận

2.2.1. Đặc điểm cấu trúc.

2.2.2. Đặc điểm chức năng.

2.3. Các biểu hiện bệnh lý ở nước tiểu và máu.

2.3.1. Nước tiểu.

2.3.2. Thay đổi về máu trong bệnh thận.

2.4. Sinh lý bệnh cầu thận và ống thận.

2.4.1. Viêm cầu thận cấp.

2.4.2. Viêm cầu thận mạn.

2.4.3. Thận hư nhiễm mỡ.

2.4.4. Viêm ống thận cấp.

2.5. Suy thận

2.5.1. Suy thận cấp.

2.5.2. Suy thận mạn.

Bài 15: Miễn dịch bệnh lý Thời gian: 2 giờ

1. Muc tiêu

1.1. Trình bày định nghĩa quá mẫn và cách phân loại của Gell và Coombs.

1.2. Trình bày cơ chế bệnh sinh của quá mẫn type I, type II, type III và type IV.

1.3. Trình bày các loại thiểu năng miễn dịch bẩm sinh.

1.4. Trình bày các loại thiểu năng miễn dịch mắc phải và cơ chế bệnh sinh của thiểu năng miễn dịch do nhiễm HIV.

1.5. Trình bày bệnh nguyên và bệnh sinh của bệnh tự miễn.

2. Nội dung chương:

2.1. Quá mẫn

2.1.1. Đại cương.

2.1.2. Quá mẫn type I.

2.1.3. Quá mẫn type II.

2.1.4. Quá mẫn type III.

2.1.5. Quá mẫn type IV (Quá mẫn muộn)

2.2. Thiểu năng miễn dịch

2.2.1. Đại cương.

2.2.2. Thiểu năng miễn dịch bẩm sinh.

2.2.3. Thiểu năng miễn dịch mắc phải.

2.3. Bệnh tự miễn

2.3.1. Đại cương.

2.3.2. Tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh tự miễn.

2.3.3. Xếp loại bệnh tự miễn.

2.3.4. Các bệnh tự miễn chính.

2.3.5. Bệnh nguyên và bệnh sinh của bệnh tự miễn.

2.3.6. Cơ chế bệnh sinh các tổn thương trong bệnh tự miễn.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1.Phòng học: Giảng đường.

2.Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu, máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Về kiến thức:

- Trình bày được những khái niệm chính về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh.

- Trình bày được những rối loạn chủ yếu của các cơ quan và hệ thống trong những tình trạng bệnh lý quan trọng và phổ biến.

- Trình bày được một số cơ chế của các tình trạng bệnh lý quan trọng, phổ biến

Về kỹ năng:

- Vận dụng được vào việc học tập các môn học khác và công tác chăm sóc người bệnh.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có được một quan niệm đúng đắn, khoa học về nguyên nhân gây bệnh, về cơ chế bệnh sinh và về điều trị bệnh.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: TBKT = [KTTX + (KTĐK x 2)]/3
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;
- TBKT ≥ 5,0 (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Thời gian: từ 60 đến 120 phút;

+ Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: MH = (TBKT x 0,4) + (TKTMH x 0,6)

+ Đạt yêu cầu: MH $\geq$ 4,0 (tính theo thang điểm 10).

VI.Hướng dẫn thực hiện môn học:

1.Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Sinh lý bệnh được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2.Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực.

3.Những trọng tâm cần chú ý:

- Môn học này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức và lý luận cơ bản, phương pháp tư duy logic để tiếp thu tốt các kiến thức chuyên ngành và phục vụ cho công tác thực tế khi ra trường.

- Góp phần kiến tạo cho người cán Bộ Y tế trong tương lai có phương pháp làm việc khoa học, tư duy phân tích tổng hợp trên cơ sở hiểu biết các yếu tố chi phối sức khỏe con người, quy luật tác động của các yếu tố gây bệnh, cơ chế phát sinh, phát triển của các quá trình bệnh lý.

4.Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế (2010) Sinh lý bệnh, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Đại học Y Hà Nội, Bài giảng sinh lý bệnh, 1990.
- Đại học Y tế công cộng, Sinh lý bệnh miễn dịch học, 2003.
- Đại học Hà Nội: Giáo trình Sinh lý bệnh – Miễn dịch, NXB Y học năm 2006.
- Đại học Y Dược TP. HCM: Giáo trình Sinh lý bệnh, NXB Y học năm 2006.
- Đại học Điều dưỡng Nam Định: Giáo trình Sinh lý bệnh.

5. Ghi chú và giải thích: Không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 15

Tên môn học: SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 2TC, HK I, 50 giờ (LT: 19, TH: 29, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ I

Tính chất:Sức khỏe - Môi trường là một ngành khoa học ứng dụng nghiên cứu những tác động qua lại hữu cơ giữa môi trường với sức khỏe trong thực tiễn cuộc sống của con người, đề xuất những giải pháp hoặc biện pháp can thiệp về pháp luật, quản lý, khoa học công nghệ trong các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội khác nhau để giải quyết những tác động nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khỏe. Trên cơ sở đó sinh viên có thể phân tích được tác hại của các yếu tố môi trường (môi trường sống và môi trường lao động) đối với con người và vận dụng những kiến thức đã học vào việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của các yếu tố xã hội, tự nhiên trong quá trình phát triển dịch bệnh.

- Trình bày được mối quan hệ sức khỏe, bệnh tật với môi trường.

Kỹ năng:

- Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có niềm tin, trách nhiệm vững chắc vào môn học để thực hiện tốt vào môn học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1: Sức khỏe môi trường				
1	Môi trường và sức khỏe	7	3	4	
	Chương 2: Vệ sinh phòng bệnh				
2	Vệ sinh cá nhân, trường học, nhà ở	10	2	8	

3	Phòng dịch và bao vây dập tắt một vụ dịch tại cộng đồng	8	2	6	
4	Vệ sinh môi trường đất, nước, không khí	10	4	5	1
5	Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp – Những nguyên tắc dự phòng các tác hại nghề nghiệp	4	4	0	
6	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	3	2	0	1
7	Tư vấn sức khỏe	8	2	6	
	Tổng cộng	**50**	**19**	**29**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: **Môi trường và sức khỏe** Thời gian: 7 giờ (LT: 3; TH:4)

1. Mục tiêu

- Nêu được định nghĩa về môi trường và sức khỏe
- Trình bày được phân loại môi trường
- Kể được các tác hại của ô nhiễm mội trường và biện pháp đề phòng

2. Nội dung chương:

2.1. Môi trường và sức khỏe

2.1.1.Định nghĩa về môi trường và sức khỏe

2.1.2.Phân loại môi trường

2.1.3.Tác hại của ô nhiễm môi trường và biện pháp đề phòng

Chương 2: Vệ sinh phòng bệnh Thời gian: 43 giờ (LT: 16; TH:25; KT:1)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được ý nghĩa, nội dung, cách giữ gìn vệ sinh cá nhân và các biện pháp phòng chống của vệ sinh cá nhân đối với sức khỏe
- Nêu được định nghĩa, các yếu tố, cơ chế và phân loại và các biện pháp phòng chống của quá trình dịch
- Nêu được định nghĩa, các yếu tố ô nhiễm, một số biện pháp phòng chống về môi trường đất, nước, không khí
- Nêu được vai trò, biến đổi sinh lý, cách phòng chống của vệ sinh lao động
- Trình bày định nghĩa, 10 nội dung và các chương trình y tế trong chăm sóc sức khỏe ban đầu
- Trình bày được khái niệm và mục đích, 6 nguyên tắc, 5 bước của tư vấn sức

khỏe

2. Nội dung chương:

2.1. Vệ sinh cá nhân, trường học, nhà ở

2.1.1.Ý nghĩa của vệ sinh cá nhân

2.1.2.Nội dung cơ bản của vệ sinh cá nhân

2.1.3.Cách giữ gìn vệ sinh thân thể và trong ăn uống

2.1.4.Tiêu chuẩn vệ sinh trường học, lớp học và nhà ở và biện pháp phòng tránh các bệnh học đường

2.2. Phòng dịch và bao vây dập tắt một vụ dịch tại cộng đồng

2.2.1. Định nghĩa quá trình dịch

2.2.2. Yếu tố của quá trình dịch

2.2.3. Cơ chế và phân loại bệnh truyền nhiễm

2.2.4. Các biện pháp phòng chống dịch

2.2.5.Cách điều tra một vụ dịch

2.2.6.Các giai đoạn điều tra và xử lý một vụ dịch ở cộng đồng

2.3. Vệ sinh môi trường đất, nước, không khí

2.3.1.Định nghĩa về môi trường đất, nước, không khí

2.3.2.Các yếu tố ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí

2.3.3.Một số biện pháp bảo vệ môi trường đất, nước, không khí

2.4. Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp – Những nguyên tắc dự phòng các tác hại nghề nghiệp

2.4.1. Vai trò của vệ sinh lao động

2.4.2.Biến đổi sinh lý trong quá trình lao động

2.4.3.Những yếu tố vi khí hậu trog lao động sản xuất ảnh hưởng đến sức khỏe người công nhân

2.4.4.Một số yếu tố trong môi trường lao động sản xuất ảnh hưởng đến sức khỏe người công nhân (mệt mỏi, ồn, rung chuyển)

2.4.5.Một số bệnh bụi phổi thường gặp

2.4.6.Định nghĩa, mục tiêu và lợi ích của Ecgonomi trong lao động sản xuất

2.5. Chăm sóc sức khỏe ban đầu

2.5.1.Định nghĩa sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu

2.5.2.Mười nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu

2.5.3.Các chương trình y tế quan trọng

2.6. Tư vấn sức khỏe

2.6.1.Khái niệm và mục đích của tư vấn sức khỏe

2.6.2.Sáu nguyên tắc trong tư vấn sức khỏe

2.6.3.Năm bước của tư vấn

2.6.4.Các kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện tư vấn sức khỏe

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết giảng dạy trên hội trường, thực hành giảng dạy tại phòng thực hành ở trường.

2. Trang thiết bị dạy học: máy chiếu Projector, máy tính, bảng phấn, tranh ảnh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tranh ảnh, bảng phấn, tài liệu giảng dạy; Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

Kiến thức:

- Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của các yếu tố xã hội, tự nhiên trong quá trình phát triển dịch bệnh.

- Trình bày được mối quan hệ sức khỏe, bệnh tật với môi trường.

Kỹ năng:

- Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có niềm tin, trách nhiệm vững chắc vào môn học để thực hiện tốt vào môn học.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên:

Lý thuyết:Thuyết trình, thực hiện phương phápdạy/hoctích cực.

Thực hành: Tại phòng thực hành của trường, bài tập nhóm

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập, thảo luận làm bài tập nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

- Sức khỏe môi trường. Nhà xuất bản y học Hà Nội, 2006

- Đào Ngọc Phong (Chủ biên), Vệ sinh môi trường, NXB Y học, 1995.

- Đào Ngọc Phong (Chủ biên), Vệ sinh môi trường- Dịch tễ, tập I,II NXB Y học, 2001.

- Bộ môn Sức khỏe môi trường, sách giáo khoa sức khỏe môi trường. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội, 2006.

- Nguyễn Văn Thương, Giáo trình Sức khỏe môi trường. Nhà xuất bản, Hà Nội, 1999.

- Bộ Y tế, Sức khỏe môi trường- sách dùng đào tạo Cử nhânY tế Công cộng. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- Hội Y tế công cộng Hoa, Sổ tay kiểm soát các bệnh truyền nhiễm. Nhà xuất bản Y học,1997.

- Nguyễn văn Mạn. Giáo trình Sức khỏe Môi trường. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 2006.

- Bộ Y tế, Bảng tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống, Hà Nội, tháng 5 năm 2002.

- Lưu Đức Hải, Nguyễn Ngọc Sinh, Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững. Nhà xuất bản ĐHQGHN, 2000

- Nguyễn Võ Kỳ Anh, Giáo dục sức khỏe sinh viên (sách dùng cho sinh viên cử nhân sư phạm), Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 16

Tên môn học: ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ Y DƯỢC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 1TC, HK I, 20 giờ (LT: 19 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ I.

- Tính chất:Môn học trang bị cho sinh viên những khái niệm và nguyên tắc cơ bản về đạo đức điều dưỡng trong thực hành nghề nghiệp, trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc bảo vệ quyền của người bệnh khi chăm sóc họ, các bộ luật và quy định về đạo đức điều dưỡng (của hội điều dưỡng Việt Nam và Quốc tế), những khó khăn về đạo đức khi chăm sóc sức khỏe; phản ứng đạo đức và vị trí của nó trong thực hành điều dưỡng. Phân tính mối liên hệ giữa đạo đức với y đức và những đặc trưng của đạo đức người điều dưỡng Việt Nam.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

1. Trình bày được ý nghĩa việc tìm hiểu lịch sử y học đối với người cán Bộ Y tế.

2. Trình bày được các khái niệm về Y đức và Y đạo.

3. Mô tả được những nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.

4. Trình bày được nội dung và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế.

5. Kể được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người điều dưỡng

Kỹ năng:

1. Thực hiện các nguyên tắc trong giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân; các tiêu chuẩn của việc thực hành chăm sóc sức khoẻ có chất lượng.

2. Thực hiện các nguyên tắc làm việc cùng đồng nghiệp; các qui định của Bộ Y tế về đạo đức của người thầy thuốc trong thực hành lâm sàng.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học tích cực tu dưỡng, rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	**Chương 1: Lịch sử y học**	**8**	**8**		

	-Y học thời kỳ xã hội nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN) -Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN) -Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII) -Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thê kỷ XVII – hiện đại) -Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)				
2	**Chương 2: Y Đức**	**4**	**4**		
	- Khái niệm về đạo đức và y đức - Phân biệt khái niệm y đức và y đạo - Lịch sử đạo đức y học				
3	**Chương 3: Đạo đức hành nghề y**	**8**	**7**		**1**
3.1	Đạo đức và nghĩa vụ nghề nghiệp của người Kỹ thuật viên VLTL.				
3.2	Y đức người cán bộ y tế.				
3.3	Đại cương về quản lý y tế				
	Tổng cộng	**20**	**19**		**1**

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Lịch sử y học Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày Y học thời kỳ nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN)

1.2. Trình bày Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)

1.3. Trình bày Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)

1.4. Trình bày Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thê kỷ XVII – hiện đại)

1.5. Trình bày Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)

2. Nội dung chương:

2.1. Y học thời kỳ nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN)

2.2. Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)

2.2.1. Thời kỳ Sumerien Babilon

2.2.2. Thời Trung hoa cổ đại

2.2.3. Thời Ấn độ cổ đại

2.2.4. Thời Hy lạp cổ đại

2.2.5. Thời La mã cổ đại

2.3. Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)

2.4. Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thê kỷ XVII – hiện đại)

2.5. Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)

2.5.1. Bản chất đạo đức Y học XHCN

2.5.2. Đạo đức Y học Việt Nam

Chương 2: Y Đức Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1 . Nêu được khái niệm về đạo đức và y đức.

1.2. Phân biệt được khái niệm y đức và y đạo.

1.3. Trình bày được lịch sử đạo đức y học.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm về đạo đức và y đức

2.2. Phân biệt khái niệm y đức và y đạo

2.3. Lịch sử đạo đức y học

2.3.1. Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)

2.3.2. Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)

2.3.3. Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thê kỷ XVII – hiện đại)

2.3.4. Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)

Chương 3: Đạo đức hành nghề y Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những phẩm chất đạo đức và nghĩa vụ nghề nghiệp của người Điều dưỡng.

1.2. Trình bày được những quan điểm đạo đức ứng dụng trong chăm sóc Điều dưỡng.

1.3. Trình bày khái niệm về quản lý y tế

2. **Nội dung chương:**

2.1. Những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người Điều dưỡng

2.2. Nghĩa vụ nghề nghiệp của người Điều dưỡng

2.3. Những quan điểm đạo đức ứng dụng trong chăm sóc Điều dưỡng.

2.4. Khái niệm về quản lý y tế

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết giảng dạy trên hội trường

2. Trang thiết bị dạy học: máy chiếu Projector, máy tính, bảng phấn

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu giảng dạy môn y đức

4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Kiến thức:

1. Trình bày được ý nghĩa việc tìm hiểu lịch sử y học đối với người cán Bộ Y tế.

2. Trình bày được các khái niệm về Y đức và Y đạo.

3. Mô tả được những nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.

4. Trình bày được nội dung và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế.

5. Kể được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người điều dưỡng

Kỹ năng:

1. Thực hiện các nguyên tắc trong giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân; các tiêu chuẩn của việc thực hành chăm sóc sức khoẻ có chất lượng.

2. Thực hiện các nguyên tắc làm việc cùng đồng nghiệp; các qui định của Bộ Y tế về đạo đức của người thầy thuốc trong thực hành lâm sàng.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học tích cực tự tu dưỡng, tự rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

2. Phương pháp đánh giá

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực, video, Slide.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người điều dưỡng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2007), ĐDCB 1, NXB Giáo dục Hà Nội.
- Trường Đại học YTCC (2003), Đạo đức trong thực hànhYTCC, NXB Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 17

Tên môn học: BỆNH HỌC NỘI KHOA – NGOẠI KHOA

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học:2TC; HK II; 40 giờ (Lý thuyết: 39 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

– Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ II, sau môn học Sinh lý bệnh.

– Tính chất: Là môn học chung bắt buộc, cung cấp kiến thức cơ bản về bệnh học.

II. Mục tiêu môn học

– ***Kiến thức***

+ Trình bày được khái niệm về bệnh, nguyên nhân, triệu chứng chính của các bệnh thường gặp đặc trưng cho từng cơ quan của cơ thể.

+ Trình bày được nguyên tắc điều trị và cách phòng một số bệnh thường gặp, một số bệnh đặc trưng cho từng cơ quan của cơ thể.

– ***Kỹ năng***: quan sát, nhận định và phân tích được triệu chứng của một số bệnh thường gặp.

– ***Năng lực tự chủ và trách nhiệm*:** thể hiện được tính thận trọng, chính xác trong nhận định và phân biệt được triệu chứng của các bệnh thường gặp.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	**Chương 1**:Bệnh tim mạch	6			
	1. Bệnh suy tim		1	0	
	2. Bệnh tăng huyết áp		2	0	
	3. Bệnh tăng lipid máu		1	0	
	4. Bệnh mạch vành		2	0	
2	**Chương 2**. Bệnh hộ hấp	5			
	1. Bệnh viêm phế quản		1	0	
	2. Bệnh hen phế quản		2	0	
	3. Bệnh viêm phổi		2	0	
3	**Chương 3.** Bệnh tiêu hóa - gan - mật	13			

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	1. Bệnh loét dạ dày - tá tràng		2	0	
	3. Bệnh áp xe gan		1	0	
	4. Bệnh xơ gan		1	0	
	5. Bệnh viêm gan virút		1	0	
	6. Bệnh lồng ruột - tắc ruột		1	0	
	7. Bệnh tả, lỵ thương hàn		1	0	1
	8. Bệnh tiêu chảy cấp ở trẻ em		1	0	
	9. Bệnh viêm ruột thừa cấp		2	0	
	10.Bệnh viêm phúc mạc		1	0	
	11.Bệnh viêm túi mật, sỏi mật		1	0	
4	**Chương 4**. Bệnh thận -tiết niệu	3			
	1.Bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu, viêm cầu thận		1	0	
	2. Bệnh viêm cầu thận		1	0	
	3.Bệnh hội chứng thận hư		1	0	
5	**Chương 5**. Bệnh nội tiết	3			
	1.Bệnh Basedow, suy giáp		1	0	
	2.Bệnh đái tháo đường		2	0	
6	**Chương 6**. Bệnh về xương khớp, dinh dưỡng	3			
	1.Gãy xương: trật khớp, bong gân		1	0	
	2.Suy dinh dưỡng, còi xương		2	0	
7	**Chương 7**. Một số bệnh khác	7			
	1.Bỏng		1	0	
	2.Bệnh dị ứng thuốc- sốc phản vệ		2	0	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	3.Sốt xuất huyết		1	0	
	4.Viêm não - màng não		1	0	
	5. Bệnh lây qua đường tình dục		2	0	
Cộng		**40**	**39**	**0**	**1**

3. Nội dung chi tiết

Chương 1: **Bệnh tim mạch** Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh tim mạch.

2.Nội dung

1.1. Bệnh suy tim

1.1.1. Nguyên nhân

1.1.2. Triệu chứng

1.1.3. Chẩn đoán

1.1.4. Điều trị

1.2. Bệnh tăng huyết áp

1.2.1. Nguyên nhân

1.2.2. Triệu chứng

1.2.3. Chẩn đoán

1.2.4. Điều trị

1.3. Bệnh tăng lipid máu

1.3.1. Nguyên nhân

1.3.2. Triệu chứng

1.3.3. Chẩn đoán

1.3.4. Điều trị

1.4. Bệnh mạch vành

1.4.1. Nguyên nhân

1.4.2. Triệu chứng

1.4.3. Chẩn đoán

1.4.4. Điều trị

Chương 2. **Bệnh hô hấp** Thời gian: 5 giờ

1. **Mục tiêu**: Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh hô hấp.

2. Nội dung

1.1. Bệnh viêm phế quản

1.1.1. Nguyên nhân

1.1.2. Triệu chứng

1.1.3. Chẩn đoán

1.1.4. Điều trị

1.2. Bệnh hen phế quản

1.2.1. Nguyên nhân

1.2.2. Triệu chứng

1.2.3. Chẩn đoán

1.2.4. Điều trị

1.3. Bệnh viêm phổi

1.3.1. Nguyên nhân

1.3.2. Triệu chứng

1.3.3. Chẩn đoán

1.3.4. Điều trị

Chương 3. **Bệnh tiêu hóa - gan – mật** Thời gian: 13 giờ

1. **Mục tiêu**: Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh đường tiêu hóa – gan – mật.

2.Nội dung

1.1. Bệnh loét dạ dày - tá tràng

1.1.1. Nguyên nhân

1.1.2. Triệu chứng

1.1.3. Chẩn đoán

1.1.4. Điều trị

1.2. Bệnh áp xe gan

1.2.1. Nguyên nhân

1.2.2. Triệu chứng

1.2.3. Chẩn đoán

1.2.4. Điều trị

1.3. Bệnh xơ gan

1.3.1. Nguyên nhân

1.3.2. Triệu chứng

1.3.3. Chẩn đoán

1.3.4. Điều trị

1.4. Bệnh viêm gan virút

1.4.1. Nguyên nhân

1.4.2. Triệu chứng

1.4.3. Chẩn đoán

1.4.4. Điều trị

1.5. Bệnh lồng ruột - tắc ruột

1.5.1. Nguyên nhân

1.5.2. Triệu chứng

1.5.3. Chẩn đoán

1.5.4. Điều trị

1.6. Bệnh tả, lỵ thương hàn

1.6.1. Nguyên nhân

1.6.2. Triệu chứng

1.6.3. Chẩn đoán

1.6.4. Điều trị

1.7. Bệnh tiêu chảy cấp ở trẻ em

1.7.1. Nguyên nhân

1.7.2. Triệu chứng

1.7.3. Chẩn đoán

1.7.4. Điều trị

1.8. Bệnh viêm ruột thừa cấp

1.8.1. Nguyên nhân

1.8.2. Triệu chứng

1.8.3. Chẩn đoán

1.8.4. Điều trị

1.9. Bệnh viêm phúc mạc

1.9.1. Nguyên nhân

1.9.2. Triệu chứng

1.9.3. Chẩn đoán

1.9.4. Điều trị

1.10. Bệnh viêm túi mật, sỏi mật

1.10.1. Nguyên nhân

1.10.2. Triệu chứng

1.10.3. Chẩn đoán

1.10.4. Điều trị

Chương 4. **Bệnh tiết niệu** Thời gian: 3 giờ

1. **Mục tiêu**: Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh tiết niệu.

2.Nội dung

2.1. Bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.2. Bệnh viêm cầu thận

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

2.3. Bệnh hội chứng thận hư

2.3.1. Nguyên nhân

2.3.2. Triệu chứng

2.3.3. Chẩn đoán

2.3.4. Điều trị

Chương 5. **Bệnh nội tiết** Thời gian: 3 giờ

1. **Mục tiêu**: Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh nội tiết.

2.Nội dung

2.1. Bệnh Basedow, suy giáp

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.2. Bệnh đái tháo đường

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

Chương 6. **Bệnh về xương khớp, dinh dưỡng** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh xương khớp, dinh dưỡng

2.Nội dung

2.1.Gãy xương: trật khớp, bong gân

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.2. Suy dinh dưỡng, còi xương

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

Chương 7. **Một số bệnh khác** Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh.

2.Nội dung

2.1.Bỏng

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.2. Bệnh dị ứng thuốc- sốc phản vệ

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

2.3. Sốt xuất huyết

2.3.1. Nguyên nhân

2.3.2. Triệu chứng

2.3.3. Chẩn đoán

2.3.4. Điều trị

2.4. Viêm não - màng não

2.4.1. Nguyên nhân

2.4.2. Triệu chứng

2.4.3. Chẩn đoán

2.4.4. Điều trị

2.5. Bệnh lây qua đường sinh dục

2.5.1. Nguyên nhân

2.5.2. Triệu chứng

2.5.3. Chẩn đoán

Điều trị

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Học lý thuyết tại hội trường.
2. Trang thiết bị, máy móc: bảng, phấn, máy tính, máy chiếu projector
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo
4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

– *Về kiến thức*: Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng chính, thuốc điều trị và cách phòng một số bệnh thường gặp, bệnh đặc trưng cho từng bộ phận cơ thể.

– *Về kỹ năng*: nhận định và phân tích được triệu chứng của một số bệnh.

– *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*thể hiện được tính thận trọng, chính xác trong nhận định và phân biệt được triệu chứng của các bệnh thường gặp.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: TBKT = [KTTX + (KTĐK x 2)]/3
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;
- TBKT ≥ 5,0 (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Thời gian: từ 60 đến 120 phút;

+ Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: MH = (TBKT x 0,4) + (TKTMH x 0,6)

+ Đạt yêu cầu: MH ≥ 4,0 (tính theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

– Chương trình môn học Bệnh học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng kỹ thuật phục hồi chức năng.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Đối với giảng viên, giáo viên: Đây là môn học nhằm cung cấp cho học sinh kiến thức cơ bản về các bệnh thường gặp ở mỗi bộ phận của cơ thể để làm tiền đề cho tiếp thu các môn học về thuốc ở các học phần sau, do đó giảng viên trong quá trình giảng dạy cần liên hệ với thực tế, tạo môi trường học tập năng động, tạo điều kiện để người học chủ động trong học tập.

- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

4. Tài liệu tham khảo

– Bộ Y tế (2010), *Sinh lý bệnh miễn dịch-phần bệnh học*, NXB Y học, Hà Nội.

– Bộ Y tế (2014), *Các bệnh ô nhiễm –lây nhiễm do thực phẩm*, NXB Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2016), *Bệnh học cơ sở*, NXB Y học, Hà Nội.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 18

Tên môn học: VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 2TC, HK II, 50 giờ (LT: 19 giờ, TH: 29, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

Vị trí:Môn học thực hiện học kỳ II, thực hiện sau môn học giải phẩu sinh lý, môn học này giới thiệu một số kiến thức chung về thông tin căn bản về vận động trị liệu.

Tính chất:Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật tập luyện vận động.

Xác định đúng bài tập vận động cho từng dạng bệnh và từng người bệnh.

II.Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Trình bày nguyên tắc kỹ thuật của từng loại bài tập vận động.

Kỹ năng:

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật tập luyện vận động (thụ động, trợ giúp tự do, đề kháng và kéo dãn).

- Xác định đúng bài tập vận động cho từng dạng bệnh và từng người bệnh.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có trách nhiệm trong giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và gia đình của họ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1: Nguyên tắc vận động, tư thế và kỹ thuật tập nhóm	**11**	**6**	**4**	**1**
1	Nguyên tắc vận động trị liệu: Định nghĩa phân loại cử động, nguyên tắc chung	2	2		
2	Tư thế khởi đầu, tư thế căn bản, tư thế biến thể	4	2	2	
3	Kỹ thuật tập nhóm	5	2	2	1
	Chương 2: Các phương pháp tập luyện.	**39**	**13**	**25**	**1**
4	Tập luyện tự do: Định nghĩa phân loại, tác dụng, kỹ thuật	6	2	4	

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
5	Tập luyện trợ giúp: Nguyên tắc kỹ thuật, kỹ thuật treo	6	2	4	
6	Tập luyện có đề kháng: Định nghĩa, nguyên tắc kỹ thuật, tác dụng, các loại lực cản, sự phát triển lực cản	6	2	4	
7	Tập luyện thụ động: Định nghĩa, tác dụng, kỹ thuật	6	2	4	
8	Sự kéo dãn	4	2	2	
9	Tập luyện di chuyển với gậy, nạng	4	1	3	
10	Tập luyện di chuyển với xe lăn tay: Phân loại xe, cấu tạo tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách sử dụng	7	2	4	1
	Cộng	**50**	**19**	**29**	**4**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1:Nguyên tắc vận động, tư thế và kỹ thuật tập nhóm

Thời gian: 11 giờ (LT:6; TH:4; KT:1)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần này học sinh có khả năng trình bày đươc nguyên tắc vận động, tư thế và kỹ thuật tập nhóm trên người bệnh.

2. Nội dung chương:

2.1. Nguyên tắc vận động trị liệu: Định nghĩa phân loại cử động, nguyên tắc chung

2.1.1. Khái niệm về vận động trị liệu

2.1.2. Lượng giá bệnh nhân, xác định nhu cầu điều trị

2.1.3. Xác định mục tiêu và lập chương trình điều trị vận động

2.1.4. Mục đích của vận động trị liệu

2.1.5. Phân loại các bài tập vận động

2.1.6. Những nguyên tắc chung của vận động trị liệu

2.2.2. Tư thế khởi đầu, tư thế căn bản, tư thế biến thể

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Tư thế nằm hay nằm ngửa

2.2.3. Tư thế ngồi, quỳ, đứng, treo

2.2.4. Các tư thế biến đổi từ các cử động của tay, chân, thân

2.2.5. Các tư thế trong nước

2.3. Kỹ thuật tập nhóm

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. An toàn trong phòng tập

2.3.3. Các kỹ thuật tập nhóm tổng quát

2.3.4. Các nguyên tắc để hướng dẫn bài tập nhóm

2.3.5. Sắp xếp các giai đoạn chương trình tập nhóm

Chương 2: **Các phương pháp tập luyện** Thời gian: 39 giờ (LT:13; TH:25; KT:1)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần này học sinh có khả năng trình bày đươc các phương pháp tập luyện của người bệnh..

2. Nội dung chương:

2.1. Tập luyện tự do: Định nghĩa phân loại, tác dụng, kỹ thuật

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguyên tắc

2.1.3. Phân loại các bài tập vận động tự do

2.1.4. Tác động

2.1.5. Kỹ thuật tổng quát

2.2. Tập luyện trợ giúp: Nguyên tắc kỹ thuật, kỹ thuật treo

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Nguyên tắc

2.2.3. Tác dụng

2.2.4. Kỹ thuật tổng quát của bài tập vận động có trợ giúp

2.2.5. Bài tập vận động tự trợ giúp

2.2.6. Bài tập vận động trợ giúp với dụng cụ

2.2.7. Kỹ thuật treo

2.3. Tập luyện có đề kháng: Định nghĩa, nguyên tắc kỹ thuật, tác dụng, các loại lực cản, sự phát triển lực cản

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Nguyên tắc kỹ thuật

2.3.3. Tác dụng

2.3.4. Các loại lực cản

2.3.5. Sự phát triển lực cản

2.4. Tập luyện thụ động: Định nghĩa, tác dụng, kỹ thuật

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Tác dụng

2.4.3. Kỹ thuật

2.5. Sự kéo dãn

2.5.1. Khái niệm

2.5.2. Các hình thức kéo dãn

2.5.3. Chỉ định và mục đích của bài tập kéo dãn

2.5.4. Chống chỉ định, những lưu ý khi thực hiện bài tập kéo dãn

2.5.5. Quy trình thực hiện bài tập kéo dãn thụ động

2.6. Tập luyện di chuyển với gậy, nạng

2.6.1. Tại sao phải tập gậy, nạng

2.6.2. Cách chọn gậy, nạng như thế nào cho phù hợp

2.6.3. Cách sử dụng gậy, nạng lên xuống cầu thang

2.7. Tập luyện di chuyển với xe lăn tay: Phân loại xe, cấu tạo tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách sử dụng

2.7.1. Phân loại xe

2.7.2. Cấu tạo, tác dụng của xe lăn

2.7.3. Chỉ định, chống chỉ định khi dùng xe lăn

2.7.4. Hướng dẫn cách sử dụng xe lăn

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Lý thuyết học trên hội trường. Thực hành trên phòng thực hành VLTL/PHCN của trường.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu Projector, máy vi tính giảng dạy, bảng phấn, mô hình, tranh ảnh,.....

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (tài liệu giảng dạy, máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, các băng tư liệu, các đĩa hình, mô hình, tranh ảnh, ….); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Giảng dạy theo quy định của giáo trình môn học Giải phẩu chức năng hệ vận động thần kinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo hướng dẫn số 106/TCDN-DNCQ, về việc Hướng dẫn xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo theo luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Kỹ năng: Giảng viên thuyết trình, giảng dạy tích cực.

- Năng lực tự chủ: Học sinh học lý thuyết tại hội trường dưới sự hỗ trợ của phương tiện trực quan Projector, máy vi tính và thực hiện làm bài tập nhóm dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên. Thực hành trên mô hình, tranh ảnh.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

- Thi kết thúc học phần: Bài thi viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống kết hợp câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học liên quan đến môn học giải phẩu sinh lý

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực. Thực hành: Tại phòng thực hành của trường.

- Đối với học sinh: Tự học, thảo luận nhóm, tự học trên tranh ảnh, mô hình.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Học xong môn học giải phẩu chức năng hệ vận động

4. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Xuân Nghiên, Cao Minh Châu, Trần Văn Chương, Vũ Thị Bích Hạnh (2010), "Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng - Sách chuyên khảo dùng cho cán bộ ngành Phục hồi chức năng", Nhà xuất bản Y học.

- Bộ Y tế (2005), " Hướng dẫn quy trình kỹ thuật bệnh viện", Nhà xuất bản Y học

- Trường CĐKTYT 1 năm (2003); Bài giảng vận động trị liệu.

- Giáo trình môn học Vận động trị liệu của nhà trường.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 19

Tên môn học: LƯỢNG GIÁ CHỨC NĂNG VẬN ĐỘNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 2 TC, HK III, 50 giờ (LT: 19, TH: 29, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:Môn học thực hiện học kỳ III, môn học này giới thiệu một số kiến thức chung về thông tin căn bản về lượng giá chức năng vận động.

2. Tính chất:Môn học giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản của kỹ thuật đo tầm vận động khớp và thử cơ bằng tay và thực hiện kỹ thuật đo tầm vận động khớp, thử cơ và lượng giá chức năng sinh hoạt đúng các quy trình. Từ đó có thể vận dụng vào trong thực hành lâm sàng.

II.Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Trình bày những nguyên tắc tổng quát, nội dung cơ bản của kỹ thuật đo tầm vận động khớp và thử cơ bằng tay.

Kỹ năng:

- Thực hiện kỹ thuật đo tầm vận động khớp, thử cơ và lượng giá chức năng sinh hoạt đúng các quy trình.

- Ứng dụng lượng giá chức năng vận động để phân tích dáng đi và lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và gia đình của họ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung chi tiết và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng Số	Lý Thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1: Nguyên tắc vận động khớp, vấn đề cơ bản thử cơ	**12**	**8**	**3**	**1**
1	Những nguyên tắc đo tầm vận động khớp	2	2	0	
2	Những vấn đề cơ bản thử cơ bằng tay	2	2	0	
3	Kỹ thuật đo chiều dài và chu vi chi	8	4	3	1
	Chương 2: Lượng giá chức năng chi trên, chi dưới, cột sống, dáng đi, chức	**38**	**11**	**26**	**1**

	năng hoạt động.				
4	Lượng giá chức năng chi trên	8	2	6	
5	Lượng giá chức năng chi dưới	8	2	6	
6	Lượng giá chức năng cột sống, lồng ngực	7	2	5	
7	Phân tích dáng đi	7	3	4	
8	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày	8	2	5	1
	Cộng	**50**	**19**	**29**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1:Nguyên tắc vận động khớp, vấn đề cơ bản thử cơ

Thời gian: 12 giờ (LT:8; TH:3; KT:1)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần này sinh viên có khả năng trình bày được nguyên tắc đo tầm vận động khớp, vấn đề cơ bản thử cơ bằng tay, kỹ thuật đo chiều dài – chu vi chi của người bệnh.

2. Nội dung chương:

2.1.Những nguyên tắc đo tầm vận động khớp

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Mục đích

2.1.3. Dụng cụ đo

2.1.4. Các khái niệm chung

2.1.5. Qui trình đo tầm vận động khớp

2.1.6. Kỹ thuật đo một số khớp lớn

2.2. Những vấn đề cơ bản thử cơ bằng tay

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Những điều cần thiết khi thử cơ

2.2.3. Hệ thống bậc cơ

2.2.4. Các thử nghiệm chọn lọc

2.2.5. Tư thế người bệnh, kỹ thuật viên

2.2.6. Công dụng trong kỹ thuật thử cơ bằng tay

2.3. Kỹ thuật đo chiều dài và chu vi chi

2.3.1. Mục đích đo

2.3.2. Nguyên tắc

2.3.3. Đo chiều dài chi

2.3.4. Đo chu vi chi

2.3.5. Dụng cụ đo

2.3.6. Phiếu đo chiều dài chi, chu vi chi

Chương 2: **Lượng giá chức năng chi trên, chi dưới, cột sống, dáng đi, chức năng hoạt động.** Thời gian: 38 giờ (LT:11; TH:26; KT:1)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần này sinh viên có khả năng trình bày đươc lượng giá chức năng chi trên, chi dưới, cột sống, sinh hoạt hành ngày và phân tích dáng đi của người bệnh..

2. Nội dung chương:

2.1.Lượng giá chức năng chi trên

2.1.1. Đo tầm vận động khớp vai, thử cơ vai – cánh tay

2.1.2. Đo tầm vận động khớp và thử cơ khuỷu và cẳng tay

2.1.3. Đo tầm vận động khớp và thử cơ cổ tay

2.1.4. Đo tầm vận động khớp và thử cơ ngón tay

2.1.5. Đo tầm vận động khớp và thử cơ ngón cái

2.2. Lượng giá chức năng chi dưới

2.2.1. Đo tầm vận động khớp hông, thử cơ hông

2.2.. Đo tầm vận động và thử cơ khớp gối

2.231. Đo tầm vận động và thử cơ khớp cổ chân

2.3. Lượng giá chức năng cột sống, lồng ngực

2.3.1. Đo tầm vận động cốt sống cổ và thử cơ cử động cổ

2.3.2. Đo tầm vận động cột sống ngực – thắt lưng và thử cơ cử động của thân

2.4. Phân tích dáng đi

2.4.1. Mẫu dáng đi

2.4.2. Thử nghiệm gạn lọc qua phân tích dáng đi

2.5. Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày

2.5.1. Sinh hoạt tại giường

2.5.2. Sinh hoạt trên xe lăn (nếu có)

2.5.3. Hoạt động di chuyển và leo trèo (có hay không có dụng cụ trợ giúp)

2.5.4. Sinh hoạt tự chăm sóc

2.5.5. Các thang điểm lượng giá

V. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Lý thuyết học trên hội trường. Thực hành trên phòng thực hành giải phẩu của trường.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu Projector, máy vi tính giảng dạy, bảng phấn, mô hình

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (tài liệu giảng dạy, máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, các băng tư liệu, các đĩa hình, mô hình, tranh ảnh, ….); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Giảng dạy theo quy định của giáo trình môn học Giải phẩu chức năng hệ vận động thần kinh.

- Kỹ năng: Giảng viên thuyết trình, giảng dạy tích cực.

- Năng lực tự chủ: Sinh viên học lý thuyết tại hội trường dưới sự hỗ trợ của phương tiện trực quan Projector, máy vi tính và thực hiện làm bài tập nhóm dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên. Thực hành trên mô hình, tranh ảnh.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

- Thi kết thúc học phần: Bài thi viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống kết hợp câu hỏi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học liên quan đến môn học giải phẩu sinh lý

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực. Thực hành: Tại phòng thực hành của trường.

- Đối với học sinh: Tự học, thảo luận nhóm, tự học trên tranh ảnh, mô hình.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Học xong môn học giải phẩu sinh lý.

4. Tài liệu tham khảo:

- Trường CĐKTY tế I năm (2003); *Bài giảng Lượng giá chức năng*.

- Nguyễn Xuân Nghiên và CS (2002), *Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng*, Nxb Y học, Hà Nội.

- Frederic J. Kottke & Justus F. Lehmam (2006), *Handbook of Physical Medicine and Rehabilitation,* W.B Saunders Company.

- Joel A. Delisa & Bruce M. Gans (1998), Rehabilitation *Medicine: principles and practice*, Lippincott – Raven Publishers.

- Nancy Berryman Reese, William D. Bandy (2002), *Joint range of motion and muscle length testing,* W.B. Saunders Company.

- Giáo trình môn học Lượng giá chức năng vận động của nhà trường

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 20

Tên môn học: QUẢN LÝ KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 2TC, HK III, 40 giờ (LT: 39 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ III.

- Tính chất:Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: khái niệm về quản lý và lãnh đạo PHCN; hệ thống quản lý PHCNViệt Nam từ trung ương đến địa phương; chức năng nhiệm vụ của các cấp trong ngành PHCN; các nguyên tắc và kỹ năng quản lý PHCN; các khái niệm và nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý PHCN.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Trình bày được tổ chức hệ thống quản lý PHCNViệt Nam.
- Phân biệt được chức năng nhiệm vụ của PHCNquản lý các cấp.
- Trình bày được các nguyên tắc và kỹ năng quản lý PHCN.
- Ứng dụng được các khái niệm và nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý PHCN.

Kỹ năng:

- Thực hiện các nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý PHCN.
- Thực hiện các kỹ năng quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý PHCN.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Người học rèn luyện kỹ năng quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý PHCN.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1: Hệ thống tổ chức	**10**	**10**		
1	Tổ chức hệ thống y tế VN Tổ chức hệ thống quản lý điều dưỡng VN	4	4		
2	Chức năng nhiệm vụ điều dưỡng quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)	4	4		

3	Nhiệm vụ của phòng PHCN bệnh viện	2	2		
	Chương 2: Lãnh đạo – quản lý	**30**	**29**		
4	Khái niệm quản lý - Quy trình quản lý	2	2		
5	Phong cách lãnh đạo - quản lý	4	4		
6	Phương pháp giải quyết vấn đề	4	4		
7	Giải quyết mâu thuẫn	4	4		
8	Viết báo cáo và soạn thảo văn bản	2	2		
9	Tổ chức cuộc họp	4	3		1
10	Quản lý nhân lực	2	2		
11	Quản lý trang thiết bị vật tư	4	4		
12	Quản lý hành chính	4	4		
	Tổng cộng	**40**	**39**		**1**

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Hệ thống tổ chức Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được tổ chức hệ thống y tế VN.

1.2. Trình bày được tổ chức hệ thống quản lý điều dưỡng VN.

1.3. Trình bày được chức năng nhiệm vụ điều dưỡng quản lý các cấp.

1.4. Trình bày nhiệm vụ của phòng điều dưỡng bệnh viện.

2. Nội dung chương

2.1. Hệ thống tổ chức

2.1.1. Tổ chức hệ thống y tế VN - Tổ chức hệ thống quản lý điều dưỡng VN

2.1.2. Các hình thái và nguyên tắc tổ chức

2.1.3. Tổ chức điều dưỡng các cấp

2.1.4. Tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức điều dưỡng

2.2. Chức năng nhiệm vụ điều dưỡng quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)

2.2.1. Vai trò và vị trí của điều dưỡng quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)

2.2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Điều dưỡng quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)

2.2.3. Điều kiện bổ nhiệm quản lý các cấp (Bộ Y Tế, Sở Y Tế, Bệnh viện, Khoa phòng)

2.3. Nhiệm vụ của phòng điều dưỡng bệnh viện

Chương 2: Lãnh đạo – quản lý Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm quản lý - quy trình quản lý.

1.2. Trình bày được một số phong cách lãnh đạo - quản lý được áp dụng hiện nay.

1.3. Nêu được các phương pháp giải quyết vấn đề, giải quyết mâu thuẫn.

1.4. Trình bày được nội dung tổ chức cuộc họp và cách viết báo cáo, soạn thảo văn bản.

1.5. Trình bày được một số phương pháp quản lý nhân lực, quản lý trang thiết bị vật tư và quản lý hành chính.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm quản lý - Quy trình quản lý

2.1.1. Khái niệm chung về quản lý

2.1.2. Mục tiêu và nguyên tắc quản lý

2.1.3. Các phương pháp quản lý

2.1.4. Các chức năng cơ bản của quản lý

2.1.5. Những yêu cầu chung về người quản lý

2.2. Phong cách lãnh đạo - quản lý

2.2.1. Quản lý và lãnh đạo

2.2.2. Người lãnh đạo và người quản lý

2.2.3. Tổ chức lao động của người lãnh đạo quản lý

2.2.4. Tác phong lãnh đạo quản lý

2.2.5. Phương pháp lãnh đạo

2.2.6. Một số vấn đề về lãnh đạo

2.2.7. Phong cách lãnh đạo

2.3. Phương pháp giải quyết vấn đề

2.3.1. Tiếp cận giải quyết vấn đề

2.3.2. Áp dụng kỹ thuật SWOT để phân tích tình hình

2.3.3. Giải pháp cho vấn đề

2.3.4. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề

2.3.5. Giám sát và đánh giá thực hiện

2.4. Giải quyết mâu thuẫn

2.4.1. Các đặc tính mâu thuẩn

2.4.2. Các hình thức mâu thuẩn

2.4.3. Các nguyên nhân gây mâu thuẩn

2.4.4. Cách giải quyết mâu thuẩn

2.5. Viết báo cáo và soạn thảo văn bản

2.6. Tổ chức cuộc họp

2.6.1. Cách tiến hành một cuộc họp

2.6.2. Cách ghi biên bản cuộc họp

2.7. Quản lý nhân lực

2.7.1. Đại cương

2.7.2. Nội dung quản lý nhân lực

2.8. Quản lý trang thiết bị vật tư

2.8.1. Đại cương

2.8.2. Quá trình quản lý trang thiết bị, vật tư

2.9. Quản lý hành chính

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Lý thuyết học trên hội trường.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu Projector, máy vi tính giảng dạy, bảng phấn, mô hình

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học (tài liệu giảng dạy, máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức:

1. Trình bày được tổ chức hệ thống quản lý Điều dưỡng Việt Nam.

2. Phân biệt được chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quản lý các cấp.

3. Trình bày được các nguyên tắc và kỹ năng quản lý điều dưỡng.

4. Ứng dụng được các khái niệm và nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.

- Kỹ năng:

1. Thực hiện các nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.

2. Thực hiện các kỹ năng quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học rèn luyện kỹ năng quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý điều dưỡng.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra lý thuyết) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực, video, Slide.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý điều dưỡng.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Khái niệm và nguyên tắc quản lý trong tổ chức lãnh đạo và quản lý Điều dưỡng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế (2004), Quản lý Điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học.

- Quản lý điều dưỡng, Bộ Y tế, Y học, 1995.

- Bộ Y tế (1999), Chức năng nhiệm vụ điều dưỡng trưởng Sở (ban hành kèm theo Quyết định số 1939/2001/BYT ngày 02/7/1999), Hà nội.

- Bộ Y tế (2002), Kế hoạch hành động quốc gia về tăng cường công tác Điều dưỡng - Hộ sinh 2002 - 2010, Hà nội.

- Vụ Khoa học & Đào tạo - Bộ Y tế (1996), Quy chế bệnh viện, Nhà Xuất bản Y học.

- Vụ Khoa học & Đào tạo - Bộ Y tế (1996), Điều dưỡng cơ bản, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 21

Tên môn học: DỊCH TỄ VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 2TC, HK III, 40 giờ (LT: 39, TH: 00, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ III.

- Tính chất:Môn học này cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng Kỹ thuật VLTL/PHCN có các kiến thức cơ bản về những nội dung và nguyên tắc chính của dịch tễ và ứng dụng được các nguyên tắc này trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, mô tả và phân tích được tình trạng sức khỏe của một cộng đồng dân cư, những yếu tố quyết định một hiện tượng sức khỏe và tác động của những yếu tố đó trên một cộng đồng: Nguyên tắc điều tra và kiểm soát một vụ dịch. Phân tích được đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng. Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe. Sử dụng được cách đánh giá tính tin cậy và giá trị của các xét nghiệm và vai trò của các xét nghiệm trong phát hiện bệnh sớm. Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Phân tích được những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm.

- Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, cách thức lây truyền, triệu chứng và biến chứng của bệnh.

- Trình bày được nguyên lý dịch tễ học các bệnh nhiễm trùng và nguyên lý phòng chống dịch.

Kỹ năng:

- Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

- Thành thạo trong công tác chăm sóc và phục hồi chức năng.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức, trách nhiệm trong việc tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng về chăm sóc, phòng chống bệnh lây lan.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng Số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1: Dịch tể học	**16**	**16**	**0**	**0**

1	Dịch tễ học đại cương	2	2	0	
2	Giám sát dịch tễ học	2	2	0	
3	Các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm	2	2	0	
4	Quá trình dịch	2	2	0	
5	Phân loại bệnh truyền nhiễm	2	2	0	
6	Các tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học	2	2	0	
7	Cảm nhiễm và miễn dịch	2	2	0	
8	Phòng và diệt côn trùng truyền bệnh	2	2	0	
	Chương 2: Bệnh Truyền nhiễm	**24**	**23**	**0**	**1**
9	Đại cương về bệnh truyền nhiễm	2	2	0	
10	Bệnh thương hàn và chăm sóc	2	2	0	
11	Bệnh lỵ trực khuẩn, amíp và chăm sóc	2	2	0	
12	Bệnh tả và chăm sóc	2	2	0	
13	Viêm màng não mủ và chăm sóc	2	2	0	
14	Uốn ván và chăm sóc người bệnh uốn ván	2	2	0	
15	Quai bị và chăm sóc	2	2	0	
16	Viêm gan virus và chăm sóc	2	2	0	
17	Dengue xuất huyết và chăm sóc	2	2	0	
18	NhiễmLeptospira và chăm sóc	2	2	0	
19	Nhiễm HIV-AIDS và chăm sóc	2	1	0	1
20	Sốt rét và chăm sóc	2	2	0	
	Tổng cộng	**40**	**39**	**0**	**1**

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Dịch tể học Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm, nội, phương pháp và giám sát về dịch tể học
- Trình bày được các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm, quá trình dịch
- Trình bày được cách phân loại bệnh truyền nhiễm, các tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học
- Nêu được cảm nhiễm và miễn dịch, phòng và diệt côn trùng truyền bệnh

2. Nội dung chương:

2.1. Dịch tễ học đại cương

2.1.1. Định nghĩa về dịch tể học

2.1.2. Lịch sử ngàng dịch tể học

2.1.3. Phân loại các nghiên cứu dịch tể học

2.2. Giám sát dịch tễ học

2.2.1. Định nghĩa giám sát

2.2.2. Phân loại giám sát

2.2.3. Tầm quan trọng giám sát

2.2.4. các bước thiết lập hệ thống giám sát

2.2.5. Hệ thống báo cáo, qui định báo cáo

2.3. Các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm

2.3.1. Khái niệm bệnh truyền nhiễm

2.3.2. Những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm

2.3.3. Các giai đoạn bệnh truyền nhiễm (thời kỳ nung bệnh, thời kỳ khởi phát, thời kỳ toàn phát, thời kỳ lui bệnh, thời kỳ phục hồi).

2.3.4. Phân loại bệnh truyền nhiễm

2.3.5. Căn cứ chẩn đoán và phương hướng điều trị

2.4. Quá trình dịch

2.4.1. Định nghĩa quá trình dịch

2.4.2. Các yếu tố liên quan đến quá trình dịch

2.4.3. Các hình thái và mức độ dịch

2.4.4. Các biện pháp phòng chống dịch

2.5. Phân loại bệnh truyền nhiễm

2.5.1. phân loại theo cơ chế truyền nhiễm

2.5.2. Phân loại theo bệnh căn

2.5.3. Phân loại theo triệu chứng bệnh lý

2.6. Các tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học

2.6.1. Thế nào là yếu tố tác hại nghề nghiệp?

2.6.2. Phân loại các yếu tố tác hại nghề nghiệp

2.6.3. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến công nghệ sản xuất

2.6.4. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến tổ chức lao động

2.6.5. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến điều kiện vệ sinh nơi làm việc

2.6.6. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến tâm sinh lý người lao động

2.7. Cảm nhiễm và miễn dịch

2.7.1. Nguồn truyền nhiễm

2.7. 2. Đường lây truyền

2.7. 3. Ký chủ

2.7.4. Khái niệm về miễn dịch

2.7.5. Phân loại miễn dịch

2.7.6. Kháng nguyên, kháng thể, bỏ thể

2.7. 7. Các phản ứng kết hợp kháng nguyên – kháng thể

2.7. 8. Hiện tượng dị ứng và mẫn cảm

2.8. Phòng và diệt côn trùng truyền bệnh

2.8.1. Nguyên tắc chung

2.8.2. Biện pháp chung

2.8.3. Biện pháp cụ thể

Chương 2: **Bệnh Truyền nhiễm** Thời gian: 24 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm, đặc điểm, phân loại bệnh truyền nhiễm

- Trình bày được, dịch tể học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý, lâm sàng, chẩn đoán, điều trị - Dự phòng, chăm sóc bệnh thương hàn, lỵ trực khuẩn, amip, bệnh tả, viêm màng não mủ, uốn ván, quai bị, viêm gan virus, sốt xuất huyết, Leptospira, HIV-AIDS, sốt rét.

2. Nội dung chương: **Bệnh Truyền nhiễm**

2.1. Đại cương về bệnh truyền nhiễm

2.1.1. Vị trí và tầm quan trọng của môn học.

2.1.2. Sơ lược lịch sử nghiên cứu.

2.1.3. Những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm.

2.1.4. Phân loại bệnh truyền nhiễm.

2.1.5. Một vài quan niệm khác.

2.1.6. Căn cứ chẩn đoán và phương hướng điều trị.

2.2. Bệnh thương hàn và chăm sóc

2.2.1. Dịch tể học

2.2.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.2.3. Lâm sàng

2.2.4. Chẩn đoán

2.2.5. Điều trị - Dự phòng

2.2.6. Chăm sóc.

2.3. Bệnh lỵ trực khuẩn, amíp và chăm sóc

2.3.1. Dịch tể học

2.3.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.3. 3. Lâm sàng

2.3. 4. Chẩn đoán

2.3. 5. Điều trị - Dự phòng

2.3. 6. Chăm sóc.

2.4. Bệnh tả và chăm sóc

2.4.1. Dịch tể học

2.4.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.4. 3. Lâm sàng

2.4. 4. Chẩn đoán

2.4. 5. Điều trị - Dự phòng

2.4. 6. Chăm sóc.

2.5. Viêm màng não mủ và chăm sóc

2.5.1. Dịch tể học

2.5.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.5. 3. Lâm sàng

2.5. 4. Chẩn đoán

2.5. 5. Điều trị - Dự phòng

2.5. 6. Chăm sóc.

2.6. Uốn ván và chăm sóc người bệnh uốn ván

2.6.1. Dịch tể học

2.6.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.6. 3. Lâm sàng

2.6. 4. Chẩn đoán

2.6. 5. Điều trị - Dự phòng

2.6. 6. Chăm sóc.

2.7. Quai bị và chăm sóc

2.7.1. Dịch tể học

2.7.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.7. 3. Lâm sàng

2.7. 4. Chẩn đoán

2.7. 5. Điều trị - Dự phòng

2.7. 6. Chăm sóc.

2.8. Viêm gan virus và chăm sóc

2.8.1. Dịch tể học

2.8.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.8. 3. Lâm sàng

2.8. 4. Chẩn đoán

2.8. 5. Điều trị - Dự phòng

2.8. 6. Chăm sóc.

2.9. Dengue xuất huyết và chăm sóc

2.9.1. Dịch tể học

2.9.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.9. 3. Lâm sàng

2.9. 4. Chẩn đoán

2.9. 5. Điều trị - Dự phòng

2.9. 6. Chăm sóc.

2.10. Nhiễm Leptospira và chăm sóc

2.10.1. Dịch tể học

2.10.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.10. 3. Lâm sàng

2.10. 4. Chẩn đoán

2.10. 5. Điều trị - Dự phòng

2.10. 6. Chăm sóc.

2.11. Nhiễm HIV-AIDS và chăm sóc

2.11.1. Dịch tể học

2.11.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.11. 3. Lâm sàng

2.11. 4. Chẩn đoán

2.11. 5. Điều trị - Dự phòng

2.11. 6. Chăm sóc.

2.12. Sốt rét và chăm sóc

2.12.1. Dịch tể học

2.12.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.12. 3. Lâm sàng

2.12. 4. Chẩn đoán

2.12. 5. Điều trị - Dự phòng

2.12. 6. Chăm sóc.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu projector, máy tinh cá nhân, hình ảnh

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

- Điều dưỡng truyền nhiễm thần kinh tâm thần, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học, 2005.

- Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, Nhà xuất bản Y học Hà Nội - 2004.

- Trường Đại học Y Dược Huế, Bệnh truyền nhiễm, Bộ môn truyền nhiễm 2008.

- Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Dịch tễ học đại cương. Nhà xuất bản Y học, 1993.

- Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Dịch tễ học y học. Nhà xuất bản Y học, 1993.

- Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Thực hành Dịch tễ học. Tái bản lần thứ nhất. Nhà xuất bản Y học, 1996.

- Bùi Đại. 2002. Bệnh học truyền nhiễm. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 22

Tên môn học: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 1TC, HK III, 20 giờ (LT: 19, TH: 0, KT: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

Vị trí:Môn học thực hiện học kỳ III.

Tính chất:

Trang bị Cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học điều dưỡng, hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu điều dưỡng và nâng cao chất lương chăm sóc người bệnh, biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học; học tập khả năng trình bày một nội dung nghiên cứu điều dưỡng một cách khoa học.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức: Trình bày được những kiến thức khoa học cơ bản về nghiên cứu khoa học.

Kỹ năng: Nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tiến hành các NCKH điều dưỡng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH	Kiểm tra
1	**Chương 1**: Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứu	4	4	0	
	Chương 2: Các PP nghiên cứu và PP chọn mẫu.				
2	Các phương pháp nghiên cứu	2	2	0	
3	Phương pháp chọn mẫu	6	6	0	
4	**Chương 3**: Trình bày và phiên giải số liệu	4	3	0	1
5	**Chương 4**: Viết đề cương, đề tài nghiên cứu	4	4	0	
	Tổng cộng	**20**	**19**	**0**	**1**

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứuThời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được những đặc điểm chính của nghiên cứu và vai trò nghiên cứu điều dưỡng

1.2. Liệt kê được tám bước của quy trình xây dựng đề cương nghiên cứu

2. Nội dung chương:

2.1. Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứu

2.1.1. Kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học

2.1.2. Quy trình xây dựng đề cương nghiên cứu.

Chương 2: Các phương pháp nghiên cứu và phương pháp chọn mẫu Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được phương pháp nghiên cứu áp dụng trong nghiên cứu khoa học.

1.2. Trình bày được đặc điểm của các thiết kế nghiên cứu

1.3. Mô tả được phương pháp tính cỡ mẫu phù hợp và liệt kê được bốn phương pháp chọn mẫu phù hợp cho nghiên cứu.

2. Nội dung chương:

2.1. Các phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Các thiết kế nghiên cứu

2.2. Phương pháp tính cỡ mẫu

2.1.1. Phương pháp tính cỡ mẫu

2.1.2. Phương pháp chọn và liệt kê các biến số nghiên cứu.

Chương 3: Trình bày và phiên giải số liệu Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày một số khái niệm cơ bản về thống kê.

1.2. Mô tả được thống kê mô tả và thống kê suy luận

1.3. Phiên giải được các kết quả phân tích số liệu

2. Nội dung chương:

2.1. Trình bày và phiên giải số liệu

2.1.1. Phương pháp thống kê cơ bản

2.1.2. Kết quả nghiên cứu và phiên giải kết quả.

Chương 4: Viết đề cương, đề tài nghiên cứu Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khung viết đề cương, đề tài nghiên cứu khoa học

1.2. Mô tả được các viết tổng quan tài liệu và viết tài liệu tham khảo cho nghiên cứu.

2. Nội dung chương:

2.1. Viết đề cương, đề tài nghiên cứu

2.1.1. Viết tổng quan

2.1.2. Viết tài liệu tham khảo cho nghiên cứu.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên hội trường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, Tài liệu phát tay cho học sinh, giáo trình bài giảng, tài liệu tham khảo); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học cho điều dưỡng, môn học được áp dụng trong các trường cao đẳng có đào tạo khối ngành sức khỏe trong phạm vi toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề...

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Quy trình nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, phân tích và phiên giải số liệu, đặc biệt là phải thực hiện được đề cương nghiên cứu.

4. *Tài liệu tham khảo*

4.1. Phạm Đức Mục (2007), Nghiên cứu điều dưỡng, Nhà xuất bản y học.

4.2. Đại học Y Dược TP. HCM (2005), Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng và xử lý số liệu với Stata 8. 0, NXB Y học.

4.3. Đại học Y tế công cộng (2005), Giáo trình thống kê y tế công cộng, NXB Y học Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 23

Tên môn học: BỆNH LÝ VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG HỆ CƠ XƯƠNG

Mã số môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 2 TC, Học kỳ III, 50 giờ(Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất:

- Vị trí:Môn học thực hiện học kỳ III, môn học thực hiện sau môn các phương thức vật lý trị liệu, môn học này giới thiệu một số kiến thức chung căn bản về vật lý trị liệu/phục hồi chức năng hệ cơ - xương.

- Tính chất:Nắm được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của một số bệnh hệ cơ - xương thường gặp, từ đó thực hiện các kỹ thuật PHCN cho từng bệnh hệ cơ – xương thường gặp

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của một số bệnh hệ cơ – xương thường gặp.

- Trình bày các nguyên tắc của PHCN cho một số bệnh hệ cơ – xương thường gặp.

- Thiết lập mục đích và chương trình PHCN cho từng bệnh hệ cơ – xương thường gặp.

Kỹ năng:

- Thực hiện các kỹ thuật PHCN cho từng bệnh hệ cơ – xương thường gặp.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Giao tiếp, hướng dẫn, tư vấn sức khoẻ cho người bệnh & gia đình của họ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Chương 1: Đại cương về PHCN cơ - xương và chấn thương phần mềm	**4**	**4**		
1	Đại cương gãy xương, trật khớp	2	2		
2	PHCN trong tổn thương phần mềm	2	2		
	Chương 2: PHCN chấn thương chi trên và chi dưới	**17**	**6**	**10**	**1**

3	PHCN trật khớp vai, trật khớp háng	4	2	2	
4	PHCN gãy xương chi trên: gãy xương cánh tay, gãy đầu dưới xương quay	6	2	4	
5	PHCN gãy xương chi dưới: gãy cổ xương đùi, gãy xương cẳng chân	7	2	4	1
	Chương 3: PHCN chấn thương cột sống	**13**	**4**	**8**	**1**
6	PHCN chấn thương cột sống	5	2	3	
7	PHCN thoát vị đĩa đệm	4	1	3	
8	PHCN đau lưng	4	1	2	1
	Chương 4: PHCN một số bệnh để lại di chứng (đoạn chi, lắp chi giả, bỏng ....)	**16**	**5**	**11**	
9	PHCN cắt đoạn chi	4	1	3	
10	Kỹ thuật tập luyện với chân tay giả	5	1	4	
11	PHCN người bệnh bỏng	3	1	2	
12	PHCN lao xương khớp: lao khớp háng, lao cột sống	4	2	2	
	Cộng	**50**	**19**	**29**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1:Đại cương về PHCN cơ – xương và chấn thương phần mềm Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần đại cương này học sinh có khả năng làm được bệnh án VLTL/PHCN hệ cơ - xương, phân loại tàn tật, các thương tật và phòng ngừa.

2. Nội dung chương:

2.1.Đại cương gãy xương, trật khớp

2.1.1. Phục hồi chức năng gãy xương

2.1.1.1. Đại cương về gãy xương

2.1.1.2. Triệu chứng lâm sàng chính và chẩn đoán gãy xương

2.1.1.3. Quá trình liền xương

2.1.1.4. Điều trị gãy xương và phục hồi chức năng

2.1.2. Phục hồi chức năng trật khớp

2.1.2.1. Đại cương

2.1.2.2. Nguyên nhân

2.1.2.3. Phát hiện từ sớm

2.1.2.4. Can thiệp sớm

2.1.2.5. PHCN và điều trị

2.2. PHCN trong tổn thương phần mềm

2.2.1. Nguyên tắc chung

2.2.2. PHCN cho tái tạo mô mềm

2.2.3. Hội chứng tắc, nghẽn mạch máu

Chương 2: **PHCN chấn thương chi trên và chi dưới**

Thời gian: 17 giờ (LT:6; TH:10; KT:1)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần này học sinh có khả năng thực hiện được tập LTL/PHCN chấn thương chi trên, chi dưới trên người bệnh.

2. Nội dung chương:

2.1. PHCN trật khớp vai, trật khớp háng

2.1.1. PHCN trật khớp vai

2.1.1.1. Đại cương

2.1.1.2. Nguyên nhân

2.1.1.3. Phát hiện từ sớm

2.1.1.4. Can thiệp sớm

2.1.1.5. PHCN và điều trị

2.1.2. PHCN trật khớp háng

2.1.2.1. Đại cương

2.1.2.2. Nguyên nhân

2.1.2.3. Phát hiện từ sớm

2.1.2.4. Can thiệp sớm

2.1.2.5. PHCN và điều trị

2.2. PHCN gãy xương chi trên: gãy xương cánh tay, gãy đầu dưới xương quay

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Chẩn đoán

2.2.3. Điều trị và PHCN

2.2.4. Theo dõi và tái khám

2.3. PHCN gãy xương chi dưới: gãy cổ xương đùi, gãy xương cẳng chân

2.3.1. Đại cương

2.3.2. Chẩn đoán

2.3.3. Điều trị và PHCN

2.3.4. Theo dõi và tái khám

Chương 3: **PHCN chấn thương cột sống** Thời gian: 13 giờ (LT:4; TH:8; KT:1)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần này học sinh có khả năng thực hiện đươc tập PHCN trên người bệnh chấn thương cột sống.

2. Nội dung chương:

2.1. PHCN chấn thương cột sống

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Đặc điểm dịch tể học

2.1.3. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh

2.1.4. Triệu chứng

2.1.5. Cận lâm sàng

2.1.6. Tiến triển và biến chứng

2.1.7. Điều trị và tập PHCN

2.2. PHCN thoát vị đĩa đệm

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh

2.2.3. Triệu chứng

2.2.4. Cận lâm sàng

2.2.5. Phục hồi chức năng và điều trị

2.3. PHCN đau lưng

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh

2.3.3. Triệu chứng

2.3.4. Cận lâm sàng

2.3.5. Phục hồi chức năng và điều trị

Chương 4: **PHCN một số bệnh để lại di chứng (đoạn chi, lắp chi giả, bỏng ....)**

Thời gian: 16 giờ (LT:5; TH:11)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần này học sinh có khả năng thực hiện đươc tập PHCN trên người bệnh bị đoạn chi, làm chi giả, bỏng, lao khớp, lao cột sống.

2. Nội dung chương:

2.1. PHCN cắt đoạn chi

2.1.1. Nguyên nhân cắt cụt chi

2.1.2. Tầm quan trọng của độ dài mỏm cụt

2.1.3. Các mức cắt cụt chi

2.1.4. PHCN và điều trị

2.2. Kỹ thuật tập luyện với chân tay giả

2.2.1.Luyện tập cho người mang chân giả

2.2.1.1. Các bước tập luyện đi bộ

2.2.1.2. Cách đi bằng nạng tiêu chuẩn

2.2.1.3. Kỹ thuật tập cách đi cho người cụt một chân trên gối

2.2.1.4. Phương pháp tập đi trên địa hình phức tạp cho người cụt một chân trên gối

2.2.1.5. Phương pháp tập ckho1 hơn cho người cụt hai chân trên gối

2.2.2. Luyện tập cho người mang tay giả

2.2.2.1. Khái quát chung

2.2.2.2. Một số điểm cần chú ý

+ Giữ gìn tay giả

+ Kẹp móc và bàn tay giả

2.2.2.3. Luyện tập kiểm soát và dùng tay giả với người bị cụt tay

+ Cụt tay dưới khuỷu

+ Cụt tay trên khuỷu

2.3. PHCN người bệnh bỏng

2.3.1. Khái niệm, dịch tể học

2.3.2. Nguyên nhân gây bỏng và phòng ngừa

2.3.3. Phát hiện và các mức độ bỏng

2.3.4. Can thiệp và phục hồi chức năng

2.4. PHCN lao xương khớp: lao khớp háng, lao cột sống

2.4.1. Khái niệm lao khớp háng, lao cột sống

2.4.2. Nguyên nhân gây lao khớp háng, lao cột sống

2.4.3. Triệu chứng lâm sàng lao khớp háng, lao cột sống

2.4.4. Cận lâm sàng

2.4.5. Chẩn đoán

2.4.6. PHCN và điều trị

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Lý thuyết học trên hội trường. Thực hành trên phòng thực hành PHCN của trường.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu Projector, máy vi tính giảng dạy, bảng phấn, mô hình, tranh ảnh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (tài liệu giảng dạy, máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, các băng tư liệu, các đĩa hình, mô hình, tranh ảnh, ….); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Giảng dạy theo quy định của giáo trình môn học Vật lý trị liệu/phục hồi chức năng ngoại khoa của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo hướng dẫn số 106/TCDN-DNCQ, về việc Hướng dẫn xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo theo luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Kỹ năng: Giảng viên thuyết trình, giảng dạy tích cực.

- Năng lực tự chủ: Học sinh học lý thuyết tại hội trường dưới sự hỗ trợ của phương tiện trực quan Projector, máy vi tính và thực hiện làm thực tập nhóm dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên. Thực hành trên mô hình, tranh ảnh.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

- Thi kết thúc học phần: Lý thuyết: Bài thi viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống kết hợp câu hỏi trắc nghiệm; Thực hành: Học sinh thực hiện một kỹ thuật tập vật lý trị liệu/phục hồi chức năng hệ cơ - xương. Sử dụng bảng kiểm có thang điểm để đánh giá học sinh.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học liên quan đến môn học giải phẫu sinh lý, VLTL/PHCN nội khoa

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực. Thực hành: Tại phòng thực hành của trường.

- Đối với học sinh: Tự học, thảo luận nhóm, tự học trên tranh ảnh, mô hình.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Học xong môn học giải phẫu sinh lý.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bài giảng VLTL/PHCN ngoại khoa (2003); Nhà xuất bản Y học.
- VLTL/PHCN (2002); Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 24

Tên môn học: BỆNH LÝ VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG HỆ THẦN KINH - CƠ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 2TC, Học kỳ III, 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:Môn học PHCN các hệ cơ quan thực hiện học kỳ V, môn học này giới thiệu một số kiến thức chung căn bản về vật lý trị liệu/phục hồi chức năng các hệ thần kinh - cơ.

- Tính chất:Nắm được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán biến chứng của một số bệnh các hệ thần kinh - cơ thường gặp, từ đó thực hiện các kỹ thuật PHCN cho từng bệnh các hệ thần kinh – cơ thường gặp.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, biến chứng của một số bệnh các hệ thần kinh - cơ.

- Trình bày các nguyên tắc của PHCN cho một số bệnh các hệ thần kinh - cơ thường gặp.

- Thiết lập mục đích và chương trình PHCN cho từng bệnh các hệ thần kinh - cơ thường gặp.

Kỹ năng:

- Thực hiện các kỹ thuật PHCN cho từng bệnh các hệ thần kinh - cơ thường gặp.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Giao tiếp, hướng dẫn, tư vấn sức khoẻ cho người bệnh và gia đình của người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Chương 1: PHCN hệ thần kinh vận động.	**39**	**16**	**22**	**1**
1	PHCN chứng đau trong hệ thần kinh – cơ.	2	2		
2	PHCN viêm não	3	1	2	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
3	PHCN hội chứng parkinson	3	1	2	
4	PHCN tổn thương tủy sống	4	2	2	
5	PHCN viêm đa dây – đa rễ thần kinh	3	1	2	
6	PHCN viêm dây thần kinh tọa	4	2	2	
7	PHCN Loạn dưỡng cơ Duchenne	3	1	2	
8	PHCN trẻ chậm phát triển tinh thần	5	2	3	
9	PHCN tai biến mạch máu não	5	2	3	
10	PHCN chấn thương sọ não	3	1	2	
11	PHCN tiểu tiện không tự chủ	4	1	2	1
	Chương 2: PHCN bệnh thần kinh chức năng.	**11**	**3**	**7**	**1**
13	PHCNrối loạn giao tiếp	6	2	4	
14	PHCN rối loạn nuốt	5	1	3	1
	Cộng	**50**	**19**	**29**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: PHCN hệ thần kinh vận động. Thời gian: 39 giờ (LT:16; TH:22; KT:1)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần này sinh viên có khả năng làm được bệnh án PHCN các hệ thần kinh - cơ, phân loại tàn tật, các thương tật và phòng ngừa.

2. Nội dung chương:

2.1. PHCN chứng đau trong hệ thần kinh – cơ.

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng và điều trị

2.1.5. Theo dõi và tái khám

2.2. PHCN viêm não

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Nguyên nhân

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Biến chứng

2.2.5. Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng và điều trị

2.2.6. Theo dõi và tái khám

2.3. PHCN hội chứng parkinson

2.3.1. Đại cương

2.3.2. Nguyên nhân

2.3.3. Chẩn đoán

2.3.4. Biến chứng

2.3.5. Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng và điều trị

2.3.6. Theo dõi và tái khám

2.4. PHCN tổn thương tủy sống

2.4.1. Đại cương

2.4.2. Nguyên nhân

2.4.3. Chẩn đoán

2.4.4. Biến chứng

2.4.5. Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng và điều trị

2.4.6. Theo dõi và tái khám

2.5. PHCN viêm đa dây – đa rễ thần kinh

2.5.1. Đại cương

2.5.2. Nguyên nhân

2.5.3. Chẩn đoán

2.5.4. Biến chứng

2.5.5. Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng và điều trị

2.5.6. Theo dõi và tái khám

2.6. PHCN viêm dây thần kinh tọa

2.6.1. Đại cương

2.6.2. Nguyên nhân

2.6.3. Chẩn đoán

2.6.4. Biến chứng

2.6.5. Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng và điều trị

2.6.6. Theo dõi và tái khám

2.7. PHCN Loạn dưỡng cơ Duchenne

2.7.1. Đại cương

2.7.2. Nguyên nhân

2.7.3. Chẩn đoán

2.7.4. Biến chứng

2.7.5. Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng và điều trị

2.7.6. Theo dõi và tái khám

2.8. PHCN trẻ chậm phát triển tinh thần

2.8.1. Đại cương

2.8.2. Nguyên nhân

2.8.3. Chẩn đoán

2.8.4. Biến chứng

2.8.5. Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng và điều trị

2.8.6. Theo dõi và tái khám

2.9. PHCN tai biến mạch máu não

2.9.1. Đại cương

2.9.2. Nguyên nhân

2.9.3. Chẩn đoán

2.9.4. Biến chứng

2.9.5. Phục hồi chức năng và điều trị

2.9.6. Theo dõi và tái khám

2.10. PHCN chấn thương sọ não

2.10.1. Đại cương

2.10.2. Nguyên nhân

2.10.3. Chẩn đoán

2.10.4. Biến chứng

2.10.5. Phục hồi chức năng và điều trị

2.10.6. Theo dõi và tái khám

2.11. PHCN tiểu tiện không tự chủ

2.11.1. Đại cương

2.11.2. Nguyên nhân

2.11.3. Chẩn đoán

2.11.4. Biến chứng

2.11.5. Phục hồi chức năng và điều trị

2.11.6. Theo dõi và tái khám

Chương 2: **PHCN bệnh thần kinh chức năng** Thời gian: 11 giờ (LT:3; TH:7; KT:1)

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần này học sinh có khả năng thực hiện đươc tập PHCN bệnh thần kinh chức năng trên người bệnh.

2. Nội dung chương:

2.1. PHCN rối loạn giao tiếp

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Phát hiện và chẩn đoán

2.1.4. Can thiệp

2.2. PHCN rối loạn nuốt

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Chỉ định, chống chỉ định

2.2.3. Chuẩn bị

2.2.4. Các bước tiến hành

2.2.5. Theo dõi

2.2.6. Tai biến và xử trí

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Lý thuyết học trên hội trường. Thực hành trên phòng thực hành PHCN của trường.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu Projector, máy vi tính giảng dạy, bảng phấn, mô hình, tranh ảnh,.....

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (tài liệu giảng dạy, máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, các băng tư liệu, các đĩa hình, mô hình, tranh ảnh, ….); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Giảng dạy theo quy định của giáo trình môn học hệ thần kinh - cơ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo hướng dẫn số 106/TCDN-DNCQ, về việc Hướng dẫn xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo theo luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Kỹ năng: Giảng viên thuyết trình, giảng dạy tích cực.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học sinh học lý thuyết tại hội trường dưới sự hỗ trợ của phương tiện trực quan Projector, máy vi tính và thực hiện làm thực tập nhóm dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên. Thực hành trên mô hình, tranh ảnh.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

- Thi kết thúc học phần: Lý thuyết: Bài thi viết, sử dụng câu hỏi thi truyền thống kết hợp câu hỏi trắc nghiệm; Thực hành: Học sinh thực hiện một kỹ thuật VLTL/PHCN các hệ cơ quan. Sử dụng bảng kiểm có thang điểm để đánh giá sinh viên.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học liên quan đến môn học giải phẫu sinh lý

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực. Thực hành: Tại phòng thực hành của trường.

- Đối với học sinh: Tự học, thảo luận nhóm, tự học trên tranh ảnh, mô hình.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Học xong môn học giải phẫu sinh lý.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế (2014),Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị chuyên ngành phục hồi chức năng.

- Nguyễn Xuân Nghiên (2010), Vật lý trị liệu phục hồi chức năng, NXB Y học.
- Trần Thị Thu Hà - Trần Trọng Hải (2005), "Phát hiện sớm, can thiệp sớm một số dạng tàn tật ở trẻ em Việt Nam", NXB Y học.
- Ma. Lucia Mirasol Magallona, 2005, Manual for CBR workers and Caregivers,C&E Publishing Inc.

- Giáo trình môn học PHCN bệnh lý PHCN hệ thần kinh cơ nhà trường.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 25

Tên môn học: THỰC TẬP PHCN CƠ BẢN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 1TC, HK IV, 45 giờ (LT: 0 giờ, TH: 44 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

Vị trí:Môn học thực hiện học kỳ IV, môn học giúp cho người học có những kiến thức cơ bản của chương trình vật lý trị liệu – phục hồi chức năng đã được học tại trường.

Tính chất:

- **Các kỹ năng lượng giá**: thử cơ, đo tầm hoạt động khớp, đo chu vi và chiều dài chi, thử cảm giác, thử phản xạ, đo chu vi lồng ngực, đếm mạch, nhịp thở, lượng giá dáng bộ và dáng đi, lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày.

- **Các kỹ thuật PHCN**: tập thở; vận động: thụ động, trợ giúp, chủ động tự do, đề kháng; tập luyện đi lại và dịch chuyển; thăng bằng; kéo dãn; xoa bóp.

- **Cách vận hành, bảo quản máy móc và các trang thiết bị đơn giản**: đèn hồng ngoại, máy siêu âm, sóng ngắn, các dòng điện giảm đau, bồn nước xoáy, bồn tắm sáp, bàn kéo cột sống, đắp nóng - lạnh và các loại dụng cụ PHCN thông thường.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Người học phải có những kiến thức cơ bản của chương trình phục hồi chức năng đã được học tại trường.

Kỹ năng:

- Giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh.

- Thực hiện đúng các kỹ năng lượng giá: thử cơ, đo tầm hoạt động khớp, đo chu vi và chiều dài chi, thử cảm giác, thử phản xạ, đo chu vi lồng ngực, đếm mạch, nhịp thở, lượng giá dáng bộ và dáng đi, lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày.

- Thực hiện đúng các kỹ thuật PHCN: tập thở; vận động: thụ động, trợ giúp, chủ động tự do, đề kháng; tập luyện đi lại và dịch chuyển; thăng bằng; kéo dãn; xoa bóp.

- Thực hiện đúng cách vận hành, bảo quản máy móc và các trang thiết bị đơn giản: đèn hồng ngoại, máy siêu âm, sóng ngắn, các dòng điện giảm đau, bồn nước xoáy, bồn tắm sáp, bàn kéo cột sống, đắp nóng - lạnh và các loại dụng cụ PHCN thông thường.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Rèn luyện tác phong nhiệt tình, chu đáo, cẩn thận, chính xác của người KTV PHCN.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu thực hành
1	Kỹ thuật lượng giá chức năng: thử cơ, đo tầm hoạt động khớp	5 lần
2	Kỹ thuật tập thở trợ giúp, thở ngực - bụng, tập ho, rung, dẫn lưu tư thế	2 lần
3	Tập vận động thụ động, trợ giúp, tự do, có đề kháng	5lần
4	Kỹ thuật dịch chuyển trên giường: lăn lật, trồi sụt	2 lần
5	Kỹ thuật ngồi dậy tại giường	2 lần
6	Kỹ thuật di chuyển xe lăn	2 lần
7	Kỹ thuật tập thăng bằng, điều hợp	2 lần
8	Kỹ thuật đi trong thanh song song, khung tập đi, gậy, nạng	2 lần
9	Kỹ thuật xoa bóp thông thường	2 lần
10	Kỹ thuật kéo giãn bằng tay KTV, tư thế, dụng cụ	5 lần
11	Kỹ thuật giữ - nghỉ và co - nghỉ	5 lần
12	Kỹ thuật kéo lưng, kéo cổ	5 lần
13	Kỹ thuật vận hành và bảo trì máy và phương tiện VLTL/PHCN: điện phân, kích thích điện, sóng ngắn, hồng ngoại, siêu âm, bồn nhúng sáp và cách bảo quản	5 lần

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Thực hành ở tại các khoa, phòng PHCN của bệnh viện.

2. Trang thiết bị máy móc: Sử dụng các dạng máy trên các khoa, phòng PHCN tại bệnh viện.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Người bệnh, các phương tiện và đồ dùng trong bệnh viện; Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Giảng viên hướng dẫn học sinh thực hành trên người bệnh về kỹ thuật tập PHCN.

- Kỹ năng: Giảng viên giảng dạy theo phương pháp dạy học tích cực.

- Năng lực tự chủ: Học sinh học thực hành trên người bệnh dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên và có tinh thần tự học trên người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

- Thi kết thúc học phần: Học sinh thực hiện kỹ thuật PHCN cơ bản theophác đồ điều trị cho người bệnh (sử dụng bảng kiểm có thang điểm để đánh giá học sinh), kết hợp với điểm hoàn thành chỉ tiêu thực hành và điểm chấm sổ thực tập

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học quyết định.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: Thực hành thao tác các kỹ thuật PHCN cơ bản trên người bệnh tại các Khoa Nội, Khoa Ngoại, Khoa PHCN và một số Khoa Lâm sàng tại các Bệnh viện, Trung tâm PHCN dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ và giám sát của giáo viên nhà trường và giáo viên bệnh viện

- Đối với học sinh: Tự học khám trên người bệnh, thảo luận nhóm, thực hành trên người bệnh.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

- Trường CĐKTYT I (2003); Bài giảng Vật lý trị liệu.

- Vật lý trị liệu / Phục hồi chức năng (2002); Nhà xuất bản Y học.

- Giáo trình môn học PHCN cơ bản của nhà trường

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 26

Tên môn học: THỰC TẬP PHCN HỆ CƠ XƯƠNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 3TC, HK IV, 135 giờ (LT: 0 giờ, TH: 133 giờ, Kiểm tra: 2giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:Môn học thực hiện học kỳ IV, môn học giúp cho người học có những kiến thức cơ bản của chương trình phục hồi chức năng hệ cơ xương đã được học tại trường.

- Tính chất:

+ Kỹ năng lượng giá đối với một số trường hợp đơn giản về các bệnh lý hệ cơ xương thường gặp.

+ Chương trình PHCN cho từng trường hợp bệnh lý hệ cơ xương thường gặp.

+ Các kỹ thuật và các bài tập PHCN một số bệnh hệ cơ xương thường gặp.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Người học phải có những kiến thức cơ bản của chương trình phục hồi chức năng hệ cơ xương đã được học tại trường.

Kỹ năng:

- Giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh thân nhân người bệnh.

- Thực hiện các kỹ năng lượng giá đối với một số trường hợp đơn giản về các bệnh lý hệ cơ xương thường gặp.

- Thiết lập mục tiêu và chương trình PHCN cho từng trường hợp bệnh lý hệ cơ xương thường gặp.

- Thực hiện đúng, an toàn các kỹ thuật và các bài tập PHCN một số bệnh hệ cơ xương thường gặp.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Rèn luyện tác phong nhiệt tình, chu đáo, cẩn thận, chính xác của người KTV PHCN.

III. Nội dung môn học:

Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu thực hành
1	PHCN trong tổn thương phần mềm	2 người bệnh
2	PHCN trật khớp vai, trật khớp háng	2 người bệnh
3	PHCN gãy xương chi trên: gãy xương cánh tay, gãy đầu dưới xương quay	2 người bệnh

4	PHCN gãy xương chi dưới: gãy cổ xương đùi, gãy xương cẳng chân	2 người bệnh
5	PHCN chấn thương cột sống	2 người bệnh
6	PHCN thoát vị đĩa đệm	2 người bệnh
7	PHCN đau lưng	2 người bệnh
8	PHCN cắt đoạn chi	2 người bệnh
9	Kỹ thuật PHCN tập luyện với chân tay giả	2 người bệnh
10	PHCN người bệnh bỏng	2 người bệnh
11	PHCN lao xương khớp: lao khớp háng, lao cột sống	2 người bệnh

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Thực hành ở tại các khoa, phòng PHCN của bệnh viện.

2. Trang thiết bị máy móc: Sử dụng các dạng máy trên các khoa, phòng PHCN tại bệnh viện.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Người bệnh, các phương tiện và đồ dùng trong bệnh viện; Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Giảng viên hướng dẫn học sinh thực hành trên người bệnh về kỹ thuật tập PHCN.

- Kỹ năng: Giảng viên giảng dạy theo phương pháp dạy học tích cực.

- Năng lực tự chủ: Học sinh học thực hành trên người bệnh dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên và có tinh thần tự học trên người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

- Thi kết thúc học phần: Học sinh thực hiện kỹ thuật PHCN hệ cơ xương theophác đồ điều trị cho người bệnh (sử dụng bảng kiểm có thang điểm để đánh giá học sinh), kết hợp với điểm hoàn thành chỉ tiêu thực hành và điểm chấm sổ thực tập

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học quyết định.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: Thực hành thao tác các kỹ thuật PHCN cơ bản trên người bệnh tại các Khoa Nội, Khoa PHCN và một số Khoa Lâm sàng tại các Bệnh viện, Trung tâm PHCN dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ và giám sát của giáo viên nhà trường và giáo viên bệnh viện

- Đối với học sinh: Tự học khám trên người bệnh, thảo luận nhóm, thực hành trên người bệnh.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

- Trường CĐKTYT I (2003); Bài giảng Vật lý trị liệu.

- Vật lý trị liệu / Phục hồi chức năng (2002); Nhà xuất bản Y học.

- Giáo trình môn học PHCN hệ cơ xương của nhà trường

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 27

Tên môn học: THỰC TẬP PHCN HỆ THẦN KINH CƠ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 3TC, HK IV, 135 giờ (LT: 0 giờ, TH: 133 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:Môn học thực hiện học kỳ IV, môn học giúp cho người học có những kiến thức cơ bản của chương trình phục hồi chức năng hệ thần kinh cơ đã được học tại trường.

- Tính chất:

+ Kỹ năng lượng giá đối với một số trường hợp đơn giản về các bệnh lý hệ thần kinh thường gặp.

+ Chương trình PHCN cho từng trường hợp bệnh lý hệ thần kinh cơ thường gặp.

+ Các kỹ thuật và các bài tập PHCN một số bệnh lý hệ thần kinh cơ thường gặp.

II.Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Người học phải có những kiến thức cơ bản của chương trình phục hồi chức năng hệ thần kinh cơ đã được học tại trường.

Kỹ năng:

- Giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh thân nhân người bệnh.

- Thực hiện các kỹ năng lượng giá đối với một số trường hợp đơn giản về các bệnh lý hệ thần kinh cơ thường gặp.

- Thiết lập mục tiêu và chương trình PHCN cho từng trường hợp bệnh lý hệ thần kinh cơ thường gặp.

- Thực hiện đúng, an toàn các kỹ thuật và các bài tập PHCN một số bệnh lý hệ thần kinh cơ thường gặp.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Rèn luyện tác phong nhiệt tình, chu đáo, cẩn thận, chính xác của người KTV PHCN.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung chi tiết môn học:

STT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu
1	PHCN viêm não	2 người bệnh
2	PHCN hội chứng parkinson	2 người bệnh

3	PHCN tổn thương tủy sống	2 người bệnh
4	PHCN viêm đa dây – đa rễ thần kinh	2 người bệnh
5	PHCN viêm dây thần kinh tọa	2 người bệnh
6	PHCN Loạn dưỡng cơ Duchenne	2 người bệnh
7	PHCN trẻ chậm phát triển tinh thần	2 người bệnh
8	PHCN tai biến mạch máu não	2 người bệnh
9	PHCN chấn thương sọ não	2 người bệnh
10	PHCN tiểu tiện không tự chủ	2 người bệnh
11	PHCNrối loạn giao tiếp	2 người bệnh
12	PHCN rối loạn nuốt	2 người bệnh

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Thực hành ở tại các khoa, phòng PHCN của bệnh viện.

2. Trang thiết bị máy móc: Sử dụng các dạng máy trên các khoa, phòng PHCN tại bệnh viện.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Người bệnh, các phương tiện và đồ dùng trong bệnh viện; Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Giảng viên hướng dẫn học sinh thực hành trên người bệnh về kỹ thuật tập PHCN.

- Kỹ năng: Giảng viên giảng dạy theo phương pháp dạy học tích cực.

- Năng lực tự chủ: Học sinh học thực hành trên người bệnh dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên và có tinh thần tự học trên người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

- Thi kết thúc học phần: Học sinh thực hiện kỹ thuật PHCN cơ bản bệnh lý hệ thần kinh cơ theo phác đồ điều trị cho người bệnh (sử dụng bảng kiểm có thang điểm để đánh giá học sinh), kết hợp với điểm hoàn thành chỉ tiêu thực hành và điểm chấm sổ thực tập.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học quyết định.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: Thực hành thao tác các kỹ thuật PHCN cơ bản trên người bệnh tại các Khoa PHCN và một số Khoa Lâm sàng tại các Bệnh viện, Trung tâm PHCN dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ và giám sát của giáo viên nhà trường và giáo viên bệnh viện

- Đối với học sinh: Tự học khám trên người bệnh, thảo luận nhóm, thực hành trên người bệnh.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

- Trường CĐKTYT I (2003); Bài giảng Vật lý trị liệu.

- Vật lý trị liệu / Phục hồi chức năng (2002); Nhà xuất bản Y học.

- Giáo trình môn học PHCN hệ thần kinh cơ của nhà trường

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 28

Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 2TC, HK IV, 90 giờ (LT: 0 giờ, TH: 88 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:

Môn học thực hiện học kỳ IV. Thực tập tại bệnh viện tỉnh/thành phố hoặc bệnh viện trung ương và Bệnh viện PHCN, Khoa PHCN tại các bệnh viện tuyến tỉnh; Trung tâm PHCN để người học hoàn thiện kỹ năng tay nghề để chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp.

- Tính chất:

+ Thực hành các kiến thức, kỹ năng đã học của chương trình đào tạo Kỹ thuật viên PHCN vào thực tế tại khoa PHCN và các khoa lâm sàng của bệnh viện. Hoàn thiện kỹ năng tay nghề để chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp.

+ Thực tập tại bệnh viện tỉnh/thành phố hoặc bệnh viện trung ương và Bệnh viện PHCN, Trung tâm PHCN, Khoa PHCN bệnh viện thời gian 4 tuần.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Mô tả được chức năng, nhiệm vụ tổ chức hoạt động của đơn vị y tế nơi học sinh đến thực tập và trách nhiệm, nhiệm vụ của người Kỹ thuật viên PHCN tại đơn vị.

Kỹ năng:

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người Kỹ thuật viên PHCN vào thực tế chăm sóc cho người bệnh, người tàn tật dưới sự giúp đỡ hướng dẫn của giáo viên nhà trường và giáo viên thỉnh giảng của các cơ sở thực tập.

- Thực hiện được các kỹ thuật lượng giá: thử cơ, đo tầm hoạt động khớp, đo chu vi, chiều dài chi, thử cảm giác, thử phản xạ, đo chu vi lồng ngực, lượng giá dáng bộ lượng giá dáng đi, lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày.

- Xác định, lựa chọn kỹ thuật, lập và thực hiện kế hoạch trị liệu bằng PHCN thích hợp với từng người bệnh và người tàn tật.

- Thực hiện kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp với người bệnh và gia đình người bệnh. Tư vấn, giáo dục sức khoẻ tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Rèn luyện tác phong nhiệt tình, cởi mở, cẩn thận và trung thực của người Kỹ thuật viên PHCN.

III. Nội dung môn học:

- Thực hành các kiến thức, kỹ năng đã học của chương trình đào tạo Kỹ thuật viên PHCN vào thực tế tại khoa PHCN và các khoa lâm sàng của bệnh viện. Hoàn thiện kỹ năng tay nghề để chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp.

- Nội dung thực tập với các chỉ tiêu tay nghề ghi trong bảng dưới đây:

1- Thực hành về chức năng nhiệm vụ của người kỹ thuật viên VLTL/PHCN

STT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu tay nghề
1	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người KTV PHCN tại bệnh viện, khoa PHCN	Hàng ngày học sinh thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người KTV PHCN theo sự phân công của Trưởng khoa
2	Tham gia quản lý, sử dụng máy móc, trang thiết bị để điều trị vật lý, phục hồi chức năng cho người bệnh	Thường xuyên hàng ngày
3	Ghi chép sổ sách, hồ sơ PHCN và các sổ sách quản lý người bệnh, trang thiết bị của khoa, phòng. Tham gia vệ sinh khoa, phòng	Thường xuyên hàng ngày
4	Tư vấn, hướng dẫn người bệnh, người tàn tật và thân nhân của họ khi đến để PHCN	- 10 lần tại bệnh viện, trung tâm PHCN tuyến tỉnh/thành phố hoặc trung ương

2- Thực hành các kỹ thuật PHCN

2.1- vận động trị liệu

STT	Nội dung	Chỉ tiêu *(lần)*
1	Kỹ thuật tập luyện tự do chi trên	10 lần
2	Kỹ thuật tập luyện tự do chi dưới	10 lần
3	Đặt vị thế khởi đầu căn bản	10 lần
4	Kỹ thuật treo trợ giúp (chi trên, chi dưới)	10 lần
5	Kỹ thuật tập trợ giúp bằng chính người bệnh	10 lần
6	Kỹ thuật tập trợ giúp bằng ròng rọc	10 lần
7	Kỹ thuật tập luyện đề kháng bằng tay Kỹ thuật viên	10 lần
9	Kỹ thuật tập luyện chi trên, chi dưới	10 lần
10	Đo điều chỉnh cặp nạng phù hợp từng người bệnh	10 lần
11	Hướng dẫn đúng 5 cách đi nạng phù hợp với từng dạng bệnh	10 lần

STT	Nội dung	Chỉ tiêu *(lần)*
12	Hướng dẫn sử dụng xe lăn đúng cách cho người bệnh liệt 2 chân và liệt nửa người	10 lần

2.2- Giải phẫu chức năng hệ vận động và thần kinh

STT	Nội dung	Chỉ tiêu *(lần)*
1	Đo cử động các khớp chi trên	10 lần
2	Đặt vị thế để thử lực cơ (các bậc 0 - 5) của cử động các khớp chi trên	10 lần
3	Đo cử động các khớp chi dưới	10 lần
4	Đặt vị thế để thử lực cơ (các bậc 0 - 5) của cử động các khớp chi dưới	10 lần
5	Đo cử động các khớp cột sống cổ và thân mình	10 lần
6	Đặt vị thế để thử lực cơ (các bậc 0 - 5) của cử động các khớp cột sống cổ và thân mình	10 lần

2.3- Lượng giá chi trên - chi dưới.

STT	Nội dung	Chỉ tiêu *(lần)*
1	Kỹ thuật đo chiều dài chi trên, chi dưới	5 lần
2	Kỹ thuật đo chu vi chi trên, chi dưới	5 lần
3	Đo tầm vạn động khớp và thử cơ đai vai	5 lần
4	Đo tầm vạn động khớp và thử cơ khớp khuỷu	5 lần
5	Đo tầm vạn động khớp và thử cơ khớp cổ tay - ngón tay	5 lần
6	Đo tầm vạn động khớp và thử cơ khớp háng	5 lần
7	Đo tầm vạn động khớp và thử cơ khớp gối	5 lần
8	Đo tầm vạn động khớp và thử cơ khớp cổ chân - ngón chân	5 lần
9	Đo tầm vạn động khớp và thử cơ cột sống cổ	5 lần
10	Đo tầm vạn động khớp và thử cơ cột sống lưng	5 lần

2.4- Các phương pháp điều trị bằng vật lý.

STT	Nội dung	Chỉ tiêu *(Lần)*
1	Kỹ thuật điều trị bằng tia hồng ngoại	10 lần
2	Kỹ thuật điều trị bằng tia tử ngoại	10 lần
3	Kỹ thuật điều trị bằng siêu âm	10 lần
4	Kỹ thuật điều trị bằng sóng ngắn	10 lần
5	Dòng điện giảm đau	10 lần
6	Điện phân thuốc	10 lần

2.5- Phục hồi chức năng bệnh cơ xương

TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu thực hành
1	PHCN trong tổn thương phần mềm	2 người bệnh
2	PHCN trật khớp vai, trật khớp háng	2 người bệnh
3	PHCN gãy xương chi trên: gãy xương cánh tay, gãy đầu dưới xương quay	2 người bệnh
4	PHCN gãy xương chi dưới: gãy cổ xương đùi, gãy xương cẳng chân	2 người bệnh
5	PHCN chấn thương cột sống	2 người bệnh
6	PHCN thoát vị đĩa đệm	2 người bệnh
7	PHCN đau lưng	2 người bệnh
8	PHCN cắt đoạn chi	2 người bệnh
9	Kỹ thuật PHCN tập luyện với chân tay giả	2 người bệnh
10	PHCN người bệnh bỏng	2 người bệnh
11	PHCN lao xương khớp: lao khớp háng, lao cột sống	2 người bệnh

2.6- Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng bệnh lý hệ thần kinh cơ

STT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu
1	PHCN viêm não	2 người bệnh

2	PHCN hội chứng parkinson	2 người bệnh
3	PHCN tổn thương tủy sống	2 người bệnh
4	PHCN viêm đa dây – đa rễ thần kinh	2 người bệnh
5	PHCN viêm dây thần kinh tọa	2 người bệnh
6	PHCN Loạn dưỡng cơ Duchenne	2 người bệnh
7	PHCN trẻ chậm phát triển tinh thần	2 người bệnh
8	PHCN tai biến mạch máu não	2 người bệnh
9	PHCN chấn thương sọ não	2 người bệnh
10	PHCN tiểu tiện không tự chủ	2 người bệnh
11	PHCNrối loạn giao tiếp	2 người bệnh
12	PHCN rối loạn nuốt	2 người bệnh

2.7- Xoa bóp

STT	**Nội dung**	**Chỉ tiêu *(lần)***
1	Xoa bóp đầu, mặt, cổ	5 lần
2	Xoa bóp lưng, mông	5 lần
3	Xoa bóp thắt lưng	5 lần
4	Xoa bóp bụng, ngực	5 lần
5	Xoa bóp viêm quanh khớp gối	5 lần
6	Xoa bóp chi trên	5 lần
7	Xoa bóp chi dưới	5 lần
8	Xoa bóp cổ, vai	5 lần
9	Xoa bóp chữa đau thần kinh tọa	5 lần
10	Xoa bóp chữa đau thần kinh liên sườn	5 lần

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Thực hành ở tại các khoa, phòng PHCN của bệnh viện.

2. Trang thiết bị máy móc: Sử dụng các dạng máy trên các khoa, phòng PHCN tại bệnh viện.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Người bệnh, các phương tiện và đồ dùng trong bệnh viện.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu vềtrình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Giảng viên hướng dẫn học sinh thực hành trên người bệnh về kỹ thuật tập VLTL/PHCN.

- Kỹ năng: Giảng viên giảng dạy theo phương pháp dạy học tích cực.

- Năng lực tự chủ: Học sinh học thực hành trên người bệnh dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên và có tinh thần tự học trên người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức đánh giá: Chấm bài báo cáo.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học quyết định.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: Thực hành thao tác các kỹ thuật PHCN cơ bản trên người bệnh tại các Khoa Nội, Khoa Ngoại, Khoa PHCN và một số Khoa Lâm sàng tại các Bệnh viện, Trung tâm PHCN dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ và giám sát của giáo viên nhà trường và giáo viên bệnh viện

- Đối với học sinh: Tự học khám trên người bệnh, thảo luận nhóm, thực hành trên người bệnh.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

- Trường CĐKTYT I (2003); Bài giảng Vật lý trị liệu.

- Vật lý trị liệu / Phục hồi chức năng (2002); Nhà xuất bản Y học.

- Giáo trình môn học VLTL/PHCN nội khoa của nhà trường

- Giáo trình môn học VLTL/PHCN ngoại khoa của nhà trường

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 29

Tên môn học: BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 2TC, HK IV, 90 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:Môn học thực hiện học kỳ IV, môn học cho người học tổng hợp những kiến thức cơ bản đã được học và thực tập tại bệnh viện để làm bài báo cáo.

- Tính chất:

+ Tổng hợp những kiến thức, kỹ năng giao tiếp, thực hành tại bệnh viện thực hiện nhiệm vụ của người học để làm bài báo cáo.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của bệnh viện và chức trách, nhiệm vụ của các nhân viên y tế làm việc tại khoa PHCN.

- Tổng hợp các công việc đã thực hiện tại khoa PHCN tại bệnh viện.

Kỹ năng:

- Làm được bài cáo cáo, thực hiện báo cáo tại trường.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Rèn luyện tác phong nhiệt tình, chu đáo, cẩn thận, chính xác của người KTV PHCN.

III. Nội dung môn học:

Nội dung chi tiết môn học:

Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc báo cáo tốt nghiệp theo kế hoạch hướng dẫn cụ thể của Khoa Cơ bản - Cơ sở - YTCC.

IV. Nội dung và phương pháp đánh giá:

Thực hiện theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các quy định, hướng dẫn của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

- 01 cột điểm báo cáo tốt nghiệp.

- Đánh giá dựa vào trình bày báo cáo và vấn đáp.

MỤC LỤC

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ 13
Tên môn học: TIẾNG ANH CƠ BẢN 20
Tên môn học: TIN HỌC 28
Tên môn học: XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ Y HỌC 40
Tên môn học: PHÁP LUẬT 46
Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN 50
Tên môn học: VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG VÀ LÝ SINH 55
Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 60
Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 68
Tên môn học: HÓA HỌC 77
Tên môn học:HÓA SINH 82
Tên môn học: DINH DƯỠNG - TIẾT CHẾ 87
Tên môn học:TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH Y 92
Tên môn học: SINH LÝ BỆNH 97
Tên môn học: SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH 109
Tên môn học: ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ Y DƯỢC 114
Tên môn học: BỆNH HỌC NỘI KHOA – NGOẠI KHOA 119
Tên môn học: VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU 128
Tên môn học: LƯỢNG GIÁ CHỨC NĂNG VẬN ĐỘNG 133
Tên môn học: QUẢN LÝ KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 138
Tên môn học: DỊCH TỄ VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM 143
Tên môn học: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 151
Tên môn học: BỆNH LÝ VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG HỆ CƠ XƯƠNG 154
Tên môn học: BỆNH LÝ VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG HỆ THẦN KINH - CƠ 161
Tên môn học: THỰC TẬP PHCN CƠ BẢN 167
Tên môn học: THỰC TẬP PHCN HỆ CƠ XƯƠNG 170
Tên môn học: THỰC TẬP PHCN HỆ THẦN KINH CƠ 173
Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP 176
Tên môn học: BÁO CÁO TỐT NGHIỆP 182